

Số: 117 /TTr-UBND

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 6 năm 2024

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020, Ủy ban nhân dân thành phố kính trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét thông qua dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng thay thế Nghị quyết số 18/2016/NQ-HĐND ngày 11/8/2016 của HĐND thành phố Đà Nẵng quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ và Nghị quyết số 194/2018/NQ-HĐND ngày 19/12/2018 của HĐND thành phố Đà Nẵng sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 18/2016/NQ-HĐND như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

a) Cơ sở chính trị

Tại Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Bộ Chính trị đã xác định mục tiêu xây dựng Đà Nẵng trở thành một trong những trung tâm về khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, công nghiệp công nghệ cao, công nghệ thông tin, công nghiệp hỗ trợ... Về nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế, Nghị quyết đã nêu “Thực hiện tốt tiến trình đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế; tiếp tục chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp” và có chính sách ưu tiên nguồn lực, chú trọng phát triển: Công nghiệp công nghệ cao gắn với xây dựng đô thị sáng tạo, khởi nghiệp; Công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử, viễn thông gắn với nền kinh tế số; Sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao và ngư nghiệp.

Tại Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 ban hành kèm theo Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ nêu rõ: “Tập trung thúc đẩy việc chuyển giao, ứng dụng các công nghệ tiên tiến cùng với nâng cao năng lực hấp thụ và đổi mới công nghệ, năng lực quản trị doanh nghiệp, trình độ và kỹ năng nguồn nhân lực, triển khai chuyên đổi số, đổi mới quy trình sản xuất và mô hình kinh doanh của doanh nghiệp phù hợp với quá trình đổi mới công nghệ”, “Rà soát, sửa đổi đồng bộ giữa các quy định của pháp luật về thuế, tài chính, tín dụng và quy định pháp

luật về khoa học và công nghệ để triển khai có hiệu quả các cơ chế ưu đãi đối với doanh nghiệp cho đầu tư nghiên cứu khoa học, đổi mới công nghệ”,...

Thời gian qua, các cấp chính quyền thành phố Đà Nẵng đặc biệt quan tâm đến công tác hỗ trợ doanh nghiệp nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của thành phố thông qua việc ban hành và triển khai có hiệu quả các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp.

b) Cơ sở pháp lý:

Ngày 11/8/2016, HĐND thành phố đã ban hành Nghị quyết số 18/2016/NQ-HĐND quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, trên cơ sở Nghị quyết của HĐND thành phố, UBND thành phố đã ban hành Quyết định số 36/2016/QĐ-UBND ngày 08/11/2016 ban hành quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; trong đó quy định chi tiết nội dung và mức hỗ trợ đối với hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và sở hữu trí tuệ.

Ngày 19/12/2018, HĐND thành phố ban hành Nghị quyết số 194/2018/NQ-HĐND về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 18/2016/NQ-HĐND ngày 11/8/2016 của HĐND thành phố về quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, trên cơ sở đó UBND thành phố ban hành Quyết định số 26/2019/QĐ-UBND ngày 16/5/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố.

Đây là chính sách đặc thù của thành phố Đà Nẵng về hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ đã được triển khai có hiệu quả trong thực tế, tạo ra hành lang pháp lý thuận lợi hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, phát triển sản xuất, tạo ra sản phẩm mới, nâng cao chất lượng sản phẩm và sức cạnh tranh trên thị trường.

Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ theo Nghị quyết số 18/2016/NQ-HĐND và Quyết định số 36/2016/QĐ-UBND, vẫn tồn tại một số vướng mắc, bất cập như: quy định không thống nhất về thẩm quyền phê duyệt quyết định hỗ trợ, thủ tục và trình tự xét hỗ trợ chưa rõ ràng, một số nội dung quy định không thực hiện được trên thực tế (như xác nhận chứng nhận tích hợp nhiều hệ thống quản lý trong cùng một giấy chứng nhận của tổ chức đánh giá sự phù hợp, xác nhận cam kết trả nợ thuế ...), một số chính sách hỗ trợ đã có quy định của Trung ương với mức hỗ trợ cao hơn (chính sách hỗ trợ trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ), một số quy định đã không còn phù hợp với quy định hiện hành như:

- Giao UBND thành phố xây dựng quy định cụ thể về việc hỗ trợ hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và sở hữu trí tuệ phù hợp với tình hình thực tế và khả năng đáp ứng nguồn kinh phí hỗ trợ (UBND thành phố đã ban hành Quyết định số 36/2016/QĐ-UBND quy định chi tiết nội dung và mức hỗ trợ) là không phù hợp với quy định tại điểm h khoản 9 Điều 30 Luật Ngân sách

Nhà nước năm 2015 (HĐND cấp tỉnh quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương).

- Việc quy định sử dụng kinh phí hỗ trợ từ Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ là không còn phù hợp do UBND thành phố Đà Nẵng đã ban hành Quyết định số 3098/QĐ-UBND 01/10/2021 về việc giải thể Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ thành phố... (Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân thành phố đã thống nhất với kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật đối với Nghị quyết số 18/2016/NQ-HĐND tại Công văn số 258/HĐND-PC ngày 11/9/2023).

2. Cơ sở thực tiễn

Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng ngày càng đi vào thực tiễn, có tác động khuyến khích các doanh nghiệp triển khai các hoạt động đổi mới công nghệ phục vụ sản xuất kinh doanh, phát triển doanh nghiệp nói chung và hình thành, phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ nói riêng trên địa bàn thành phố. Thời gian qua, chính quyền thành phố đã không ngừng tìm các giải pháp, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận với các công nghệ sản xuất hiện đại, tiếp cận các chính sách hỗ trợ để thực hiện đổi mới công nghệ tại doanh nghiệp.

Kết quả triển khai thực hiện chính sách từ năm 2017 đến nay, dưới sự chỉ đạo của UBND thành phố, Sở Khoa học và Công nghệ đã thực hiện hỗ trợ hơn 70 lượt doanh nghiệp đổi mới công nghệ, chế tạo thiết bị công nghệ, đầu tư công nghệ tiên tiến, công nghệ cao và mua thiết bị máy móc hoặc áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, xây dựng tiêu chuẩn cơ sở, đánh giá chứng nhận sản phẩm hợp chuẩn, hợp quy... với tổng số kinh phí hỗ trợ là 8.421 triệu đồng từ kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ của thành phố.

Đổi mới công nghệ, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, giải pháp quản lý tiên tiến vào thực tế hoạt động sản xuất tại doanh nghiệp là xu hướng tất yếu đối với các doanh nghiệp trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra hết sức mạnh mẽ, tính cạnh tranh về chất lượng và giá thành sản phẩm ngày càng cao. Với sự biến động khó lường của tình hình thế giới, cùng với sự khan hiếm về mặt nguyên, nhiên liệu; các quy định pháp luật ngày càng cao về việc chấp hành bảo vệ môi trường,...việc thực hiện đổi mới công nghệ tại doanh nghiệp mang lại các lợi ích thiết thực như:

a) Chủ động nghiên cứu, chế tạo các thiết bị công nghệ phục vụ sản xuất, thay thế hàng nhập khẩu, hạ giá thành sản phẩm; thuận tiện trong quá trình vận hành, bảo trì, bảo dưỡng và sửa chữa máy móc, thiết bị.

b) Đầu tư công nghệ tiên tiến, công nghệ cao và mua thiết bị theo hướng ứng dụng công nghệ mới, tự động hóa nhằm nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất, tiết kiệm năng lượng và thân thiện môi trường.

c) Thực hiện áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng để nâng cao hiệu quả quản lý doanh nghiệp; thực hiện đánh giá chứng nhận sản phẩm để đáp ứng các yêu cầu của thị trường, nâng cao sức cạnh tranh sản phẩm trên thị trường;

thực hiện đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ để tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp.

Việc tiếp tục duy trì triển khai chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng là cần thiết và phù hợp với các định hướng, chủ trương của Đảng và các cấp chính quyền thành phố; góp phần thực hiện mục tiêu của Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 ban hành kèm Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/05/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Do đó, việc ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố thay thế Nghị quyết số 18/2016/NQ-HĐND và Nghị quyết số 194/2018/NQ-HĐND là cần thiết; vừa phù hợp với định hướng, chủ trương của Đảng và các cấp chính quyền; vừa tạo động lực cho sự phát triển kinh tế xã hội và đảm bảo tính pháp lý trong quá trình triển khai thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Mục đích ban hành văn bản

Xây dựng nghị quyết của HĐND thành phố quy định về chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng thay thế Nghị quyết số 18/2016/NQ-HĐND và Nghị quyết số 194/2018/NQ-HĐND, phù hợp với quy định hiện hành và tình hình thực tiễn của địa phương.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo văn bản

Việc xây dựng Nghị quyết đảm bảo đúng quy định của pháp luật hiện hành, phù hợp với chủ trương, định hướng của thành phố.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁN DỤNG CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

2. Đối tượng áp dụng

a) Đối tượng được hỗ trợ

- Các doanh nghiệp sản xuất, dịch vụ và thương mại trên địa bàn thành phố được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp (không bao gồm các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài), hợp tác xã (bao gồm: hợp tác xã, tổ hợp tác, liên hiệp hợp tác xã) có hoạt động: nghiên cứu tạo công nghệ; thực hiện đổi mới, cải tiến công nghệ hoặc xây dựng và áp dụng các hệ thống quản lý phù hợp tiêu chuẩn quốc tế; áp dụng các phương pháp và mô hình tiên tiến để cải tiến chất lượng; chứng nhận sản phẩm, hàng hoá phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn.

- Các tổ chức trên địa bàn thành phố có hoạt động: nghiên cứu tạo công nghệ mới, nghiên cứu công nghệ tạo sản phẩm mới, sản phẩm công nghệ cao; giải mã công nghệ, triển khai ứng dụng công nghệ mới, tiên tiến, cải tiến công nghệ thực hiện chuyển giao cho các doanh nghiệp hoặc thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, kết quả giải mã công nghệ hoặc xây dựng và áp dụng các hệ thống quản lý phù hợp tiêu chuẩn quốc tế; áp dụng các phương pháp và mô hình tiên tiến để cải tiến chất lượng; chứng nhận sản phẩm, hàng hoá phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn.

b) Các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tổ chức, triển khai thi hành Nghị quyết này.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

Dự thảo Nghị quyết được xây dựng theo đúng trình tự quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020, cụ thể:

1. Đã hoàn thành hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết và được Thường trực Hội đồng nhân thành phố thống nhất chủ trương tại Công văn số 159/HĐND-KTNS ngày 24/5/2024.

2. Đã lấy ý kiến góp ý dự thảo Nghị quyết của các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của Nghị quyết và các cơ quan, đơn vị liên quan. Lấy ý kiến Văn phòng UBND thành phố đối với nội dung báo cáo đánh giá tác động thủ tục hành chính trong dự thảo, đồng thời đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử thành phố để lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn thành phố.

3. Đã tổng hợp, hoàn chỉnh nội dung theo ý kiến góp ý để hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết.

4. Đã lấy ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp; tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp.

5. Đã hoàn chỉnh hồ sơ dự thảo Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân thành phố.

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Bố cục

a) Dự thảo Nghị quyết gồm 04 Điều và Quy định kèm theo, cụ thể như sau:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Quy định chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng (kèm theo Nghị quyết).

b) Dự thảo Quy định kèm theo gồm 04 Chương, 13 Điều, cụ thể như sau:

Chương I. Những quy định chung

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Loại hình công nghệ được hỗ trợ

Điều 4. Điều kiện được hỗ trợ

Điều 5. Nguyên tắc hỗ trợ

Chương II. Nội dung và mức chi

Điều 6. Hỗ trợ hoạt động nghiên cứu và triển khai, chuyển giao công nghệ

Điều 7. Hỗ trợ hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

Điều 8. Nội dung và mức chi tổ chức Hội đồng khoa học, Hội đồng thẩm định, Tổ thẩm định

Chương III. Thẩm quyền, thủ tục và trình tự xét hỗ trợ

Điều 9. Thẩm quyền quyết định hỗ trợ

Điều 10. Trình tự, thủ tục xét hỗ trợ hoạt động nghiên cứu và triển khai, chuyển giao công nghệ

Điều 11. Trình tự, thủ tục xét hỗ trợ hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

Chương IV. Tổ chức thực hiện

Điều 12. Kinh phí thực hiện chính sách

Điều 13. Tổ chức thực hiện

Phụ lục I và Phụ lục II kèm theo.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo văn bản

a) Tên chính sách: Quy định chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

b) Đối tượng áp dụng

- Đối tượng được hỗ trợ

+ Các doanh nghiệp sản xuất, dịch vụ và thương mại trên địa bàn thành phố được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp (không bao gồm các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài), hợp tác xã có hoạt động: nghiên cứu tạo công nghệ; thực hiện đổi mới, cải tiến công nghệ hoặc xây dựng và áp dụng các hệ thống quản lý phù hợp tiêu chuẩn quốc tế; áp dụng các phương pháp và mô hình tiên tiến để cải tiến chất lượng; chứng nhận sản phẩm, hàng hoá phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn.

+ Các tổ chức trên địa bàn thành phố có hoạt động: nghiên cứu tạo công nghệ mới, nghiên cứu công nghệ tạo sản phẩm mới, sản phẩm công nghệ cao; giải mã công nghệ, triển khai ứng dụng công nghệ mới, tiên tiến, cải tiến công

nghe thực hiện chuyển giao cho các doanh nghiệp hoặc thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, kết quả giải mã công nghệ hoặc xây dựng và áp dụng các hệ thống quản lý phù hợp tiêu chuẩn quốc tế; áp dụng các phương pháp và mô hình tiên tiến để cải tiến chất lượng; chứng nhận sản phẩm, hàng hoá phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn.

- Các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tổ chức, triển khai thi hành Nghị quyết này.

c) Loại hình công nghệ được hỗ trợ

- Công nghệ cao và sản phẩm công nghệ cao (thuộc danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 38/2020/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ).

- Công nghệ nhằm nâng giá trị gia tăng, cải tiến nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hoá; Công nghệ giảm chi phí sản xuất, tăng năng suất lao động; Công nghệ thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng.

- Tiếp nhận công nghệ tiên tiến; các phương pháp gia công mới, tiên tiến; công nghệ thuộc các lĩnh vực ưu tiên phát triển.

- Nghiên cứu tạo công nghệ mới, thiết kế, chế tạo thiết bị công nghệ mới thay thế thiết bị nhập ngoại, nghiên cứu giải mã công nghệ, ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học công nghệ.

- Thực hiện xây dựng và áp dụng các hệ thống quản lý phù hợp tiêu chuẩn quốc tế; áp dụng các phương pháp và mô hình tiên tiến để cải tiến chất lượng; chứng nhận sản phẩm, hàng hoá phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn.

- Các trường hợp đặc biệt (hỗ trợ cho các doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã tiếp nhận công nghệ có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển của lĩnh vực, ngành, phát triển khoa học và công nghệ, phát triển kinh tế - xã hội của thành phố) do Chủ tịch UBND thành phố quyết định.

d) Điều kiện được hỗ trợ

- Các doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã được hỗ trợ kinh phí thực hiện đổi mới công nghệ phải đảm bảo các điều kiện như sau:

+ Nội dung đề nghị hỗ trợ phù hợp với quy định tại điểm e, g khoản này.

+ Chấp hành đầy đủ các nghĩa vụ về thuế đối với Nhà nước, bảo hiểm xã hội cho người lao động và các quy định về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

+ Thời điểm nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ không quá 36 tháng tính từ ngày bắt đầu triển khai thực hiện dự án đổi mới công nghệ.

- Các doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã thực hiện chuyển giao công nghệ hoặc nghiên cứu, cải tiến, giải mã, ươm tạo công nghệ ngoài đáp ứng các yêu cầu trên, phải đảm bảo:

+ Là chủ sở hữu hoặc có quyền chuyển giao đối với công nghệ được chuyển giao trong trường hợp doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã thực hiện chuyển giao công nghệ.

+ Có năng lực thực hiện nghiên cứu, cải tiến, giải mã, ươm tạo công nghệ trong trường hợp doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã thực hiện nghiên cứu, cải tiến, giải mã, ươm tạo công nghệ.

- Điều kiện ưu tiên

+ Tham gia sản xuất sản phẩm chủ lực của thành phố; sản xuất hàng xuất khẩu, các mặt hàng thuộc các lĩnh vực được thành phố ưu tiên phát triển.

+ Có trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ.

+ Doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã đạt Giải thưởng Chất lượng quốc gia Việt Nam.

+ Có hoạt động chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao theo quy định của Chính phủ.

Trường hợp trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ của một doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã nếu có doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã khác nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ đối với công nghệ hoặc thiết bị có sử dụng công nghệ tương tự nhau thì ưu tiên các doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã đáp ứng được nhiều điều kiện ưu tiên hơn.

đ) Nguyên tắc hỗ trợ

- Việc hỗ trợ đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, bình đẳng, không trùng lặp.

- Không hỗ trợ đối với các dự án đã và đang thực hiện bằng nguồn vốn của Nhà nước hoặc đã nhận từ nguồn khác của Nhà nước.

- Không hỗ trợ cho doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã nhận công nghệ được chuyển giao từ các doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã đã được hỗ trợ theo Nghị quyết này hoặc đã nhận hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.

- Không hỗ trợ cho doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã nhận công nghệ bị cấm hoặc hạn chế chuyển giao theo quy định của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ hoặc dự án nghiên cứu có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng và sức khỏe con người.

- Đối với công nghệ hoặc thiết bị có sử dụng công nghệ tương tự nhau chỉ hỗ trợ một lần và cho một doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã.

- Trường hợp thuộc đối tượng ưu đãi, hỗ trợ của nhiều chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ thì doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã được chọn chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ có mức hỗ trợ cao nhất.

e) Hỗ trợ hoạt động nghiên cứu và triển khai, chuyển giao công nghệ

- Hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã chi phí mua thiết bị công nghệ phục vụ đổi mới công nghệ

+ Hỗ trợ tối đa 30% chi phí mua thiết bị công nghệ có hàm chứa công nghệ cao. Hỗ trợ tối đa 70% chi phí mua thiết bị công nghệ có hàm chứa công nghệ cao kèm theo hợp đồng chuyển giao công nghệ.

+ Hỗ trợ tối đa 15% chi phí mua thiết bị công nghệ có hàm chứa công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất, tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

Hỗ trợ tối đa 50% chi phí mua thiết bị công nghệ có hàm chứa công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất, tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường kèm theo hợp đồng chuyển giao công nghệ.

- Hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã tối đa 70% cho chi phí công nghiên cứu: tạo công nghệ mới; giải mã công nghệ; ươm tạo công nghệ; thiết kế chế tạo thiết bị có hàm chứa công nghệ mới, tiên tiến; cải tiến công nghệ; đổi mới quy trình công nghệ sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm chi phí, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường, tiết kiệm năng lượng.

- Kinh phí hỗ trợ cho các dự án quy định tại điểm khoản này không vượt quá 03 (ba) tỷ đồng/doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã trong một năm. Mỗi doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã được hỗ trợ tối đa 02 (hai) dự án.

g) Hỗ trợ hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

- Hỗ trợ xây dựng hệ thống quản lý phù hợp tiêu chuẩn

+ Hỗ trợ 30 (ba mươi) triệu đồng cho doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã xây dựng, đánh giá chứng nhận hệ thống quản lý phù hợp tiêu chuẩn (ISO 9001, ISO 14001, ISO 22000, ISO 45001, ISO 13485, ISO 15189, ISO 27001, ISO 50001, ISO 17025 hoặc các tiêu chuẩn hệ thống quản lý khác);

+ Hỗ trợ 35 (ba mươi lăm) triệu đồng khi doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã áp dụng cùng một lúc từ 02 (hai) tiêu chuẩn, các công cụ quản lý tiên tiến trở lên trong hệ thống quản lý;

+ Mỗi doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã chỉ được hỗ trợ 01 (một) lần cho các nội dung quy định nêu trên.

- Hỗ trợ 15 (mười lăm) triệu đồng/sản phẩm để doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã thực hiện đánh giá chứng nhận sản phẩm, hàng hóa phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn. Hỗ trợ không quá 02 (hai) sản phẩm/năm cho một doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã.

h) Nội dung và mức chi tổ chức Hội đồng khoa học, Hội đồng thẩm định, Tổ thẩm định

- Nội dung và mức chi tổ chức Hội đồng khoa học, Hội đồng thẩm định, Tổ thẩm định

TT	Nội dung chi	Mức chi (tối đa)
1	Hội đồng khoa học	
a	Chi họp Hội đồng	
-	Chủ tịch Hội đồng	1.800.000 đồng/người
-	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên hội đồng	1.500.000 đồng/người
-	Thư ký khoa học; thư ký hành chính	300.000 đồng/người
-	Đại biểu được mời tham dự	200.000 đồng/người
b	Chi nhận xét đánh giá	
-	Nhận xét của thành viên Hội đồng	700.000 đồng/phiếu
2	Hội đồng thẩm định	
a	Chi họp Hội đồng	
-	Chủ tịch Hội đồng	900.000 đồng/người
-	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên hội đồng	750.000 đồng/người
-	Thư ký khoa học; thư ký hành chính	150.000 đồng/người
-	Đại biểu được mời tham dự	100.000 đồng/người
b	Chi nhận xét đánh giá	
-	Nhận xét của thành viên Hội đồng	350.000 đồng/phiếu
3	Tổ thẩm định	
a	Tổ trưởng Tổ thẩm định	1.000.000 đồng/người
b	Thành viên Tổ thẩm định	700.000 đồng/người
c	Thư ký hành chính	300.000 đồng/người
d	Đại biểu được mời tham dự	200.000 đồng/người
4	Chi tiền tài liệu, văn phòng phẩm phục vụ Hội đồng khoa học, Hội đồng thẩm định, Tổ thẩm định	Thanh toán theo hóa đơn thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt.

- Mức chi nêu trên là mức chi tối đa. Trên cơ sở hồ sơ đề nghị hỗ trợ và khối lượng công việc cụ thể của từng Hội đồng, Tổ thẩm định; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định mức chi cụ thể đối với từng Hội đồng, Tổ thẩm định.

i) Thẩm quyền quyết định hỗ trợ

- Chủ tịch UBND thành phố quyết định hỗ trợ hoạt động nghiên cứu và triển khai, chuyển giao công nghệ theo điểm e khoản này.

- Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định hỗ trợ hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng theo điểm g khoản này.

k) Trình tự, thủ tục xét hỗ trợ hoạt động nghiên cứu và triển khai, chuyển giao công nghệ

- Trình tự thực hiện

+ Doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã gửi hồ sơ đề nghị hỗ trợ đến Sở Khoa học và Công nghệ.

+ Sở Khoa học và Công nghệ tiếp nhận, xem xét hồ sơ trong 03 (ba) ngày làm việc. Nếu hồ sơ chưa hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ trả hồ sơ để doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã hoàn thiện hồ sơ.

+ Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Tổ thẩm định hồ sơ

Hồ sơ đủ và hợp lệ, trong 10 (mười) ngày làm việc, Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Tổ thẩm định để tiến hành thẩm định hồ sơ và tiến hành kiểm tra thực tế tại đơn vị.

Trên cơ sở kết quả làm việc của Tổ thẩm định, trong 07 (bảy) ngày làm việc, Sở Khoa học và Công nghệ đề nghị tổ chức, cá nhân bổ sung, làm rõ thêm nội dung dự án và các hồ sơ liên quan. Thời gian bổ sung hoàn thiện hồ sơ tối đa không quá 10 (mười) ngày làm việc.

+ Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức Hội đồng khoa học đánh giá hồ sơ đề nghị hỗ trợ

Trong 10 (mười) ngày làm việc, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức Hội đồng khoa học đánh giá hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

Trường hợp hồ sơ không đáp ứng điều kiện quy định hỗ trợ, Sở Khoa học và Công nghệ có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

Trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, Sở Khoa học và Công nghệ có văn bản đề nghị doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã hoàn thiện, bổ sung hồ sơ. Thời gian hoàn thiện, bổ sung hồ sơ không quá 10 (mười) ngày làm việc; hết thời hạn hoàn thiện, bổ sung hồ sơ, nếu doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã không thực hiện hoàn thiện, bổ sung hồ sơ thì Sở Khoa học và Công nghệ có văn bản từ chối hỗ trợ và nêu rõ lý do.

+ Sở Khoa học và Công nghệ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt hỗ trợ

Trong 15 (mười lăm) ngày làm việc, Sở Khoa học và Công nghệ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt hỗ trợ kinh phí

Trong 15 (mười lăm) ngày làm việc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- Thành phần hồ sơ gồm có:

+ Đơn đề nghị hỗ trợ;

+ Bản sao chứng thực Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Quyết định thành lập tổ chức, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;

+ Dự án đổi mới, cải tiến công nghệ kèm theo nội dung báo cáo kết quả triển khai đổi mới công nghệ;

+ Bản sao chứng thực các giấy tờ: hợp đồng mua thiết bị công nghệ kèm theo; hóa đơn chứng từ có liên quan; chứng thư thẩm định giá thiết bị công nghệ của đơn vị có chức năng thẩm định giá theo quy định hiện hành đối với trường hợp mua thiết bị công nghệ; hợp đồng chuyển giao công nghệ (trường hợp có hợp đồng chuyển giao công nghệ) quy định tại điểm e khoản này;

+ Hồ sơ chứng minh chi phí thực hiện nghiên cứu tạo công nghệ; giải mã công nghệ; ươm tạo công nghệ; thiết kế chế tạo thiết bị có hàm chứa công nghệ mới, tiên tiến; cải tiến công nghệ; đổi mới quy trình công nghệ sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng, giảm chi phí, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường, tiết kiệm năng lượng;

+ Xác nhận nợ thuế của năm trước liền kề, xác nhận việc đóng bảo hiểm xã hội đối với người lao động của năm trước liền kề, xác nhận việc chấp hành các quy định về bảo vệ môi trường của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

+ Bản sao chứng thực các giấy tờ khác (nếu có): biên bản nghiệm thu, lắp đặt thiết bị; các hồ sơ có liên quan đến chất lượng sản phẩm; văn bản công nhận kết quả nghiên cứu của cơ quan có thẩm quyền và các hồ sơ khác có liên quan đến các điều kiện được ưu tiên.

- Cách thức thực hiện:

+ Doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã nộp hồ sơ về Sở Khoa học và Công nghệ theo một trong các hình thức sau:

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Khoa học và Công nghệ.

Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính, dịch vụ bưu chính công ích.

Nộp hồ sơ trực tuyến.

+ Trả kết quả: Trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Khoa học và Công nghệ.

- Thời hạn giải quyết: 60 (Sáu mươi) ngày làm việc.

- Cơ quan giải quyết:

+ Cơ quan thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ.

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND thành phố

- Kết quả thực hiện: Quyết định phê duyệt hỗ trợ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

1) Trình tự, thủ tục xét hỗ trợ hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

- Trình tự thực hiện

+ Doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã gửi hồ sơ đề nghị hỗ trợ đến Sở Khoa học và Công nghệ.

+ Sở Khoa học và Công nghệ tiếp nhận, xem xét hồ sơ trong 03 (ba) ngày làm việc. Nếu hồ sơ chưa hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ trả hồ sơ để doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã hoàn thiện hồ sơ.

+ Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức Hội đồng thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

Hồ sơ đủ và hợp lệ, trong 20 (hai mươi) ngày làm việc, Sở Khoa học và Công nghệ thành lập và tổ chức Hội đồng thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

Trường hợp hồ sơ không đáp ứng điều kiện quy định hỗ trợ, Sở Khoa học và Công nghệ có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

Trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, Sở Khoa học và Công nghệ có văn bản đề nghị doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã hoàn thiện, bổ sung hồ sơ. Thời gian hoàn thiện, bổ sung hồ sơ không quá 10 (mười) ngày làm việc; hết thời hạn hoàn thiện, bổ sung hồ sơ, nếu doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã không thực hiện hoàn thiện, bổ sung hồ sơ thì Sở Khoa học và Công nghệ có văn bản từ chối hỗ trợ và nêu rõ lý do.

+ Trong 07 (bảy) ngày làm việc, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, ban hành quyết định hỗ trợ kinh phí.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- Thành phần hồ sơ gồm có:

+ Đơn đề nghị;

+ Bản sao chứng thực Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

+ Bản sao chứng thực Quyết định và Giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng; bản sao chứng thực Quyết định và Giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn/quy chuẩn;

+ Xác nhận nợ thuế của năm trước liền kề, xác nhận việc đóng bảo hiểm xã hội đối với người lao động của năm trước liền kề, xác nhận việc chấp hành các quy định về bảo vệ môi trường của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Cách thức thực hiện:

+ Doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã nộp hồ sơ về Sở Khoa học và Công nghệ theo một trong các hình thức sau:

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Khoa học và Công nghệ.

Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính, dịch vụ bưu chính công ích.

Nộp hồ sơ trực tuyến.

+ Trả kết quả: Trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Khoa học và Công nghệ.

- Thời hạn giải quyết: 30 (ba mươi) ngày làm việc.

- Cơ quan giải quyết: Sở Khoa học và Công nghệ

- Kết quả thực hiện: Quyết định phê duyệt hỗ trợ của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

m) Kinh phí thực hiện chính sách

Nguồn kinh phí chi sự nghiệp khoa học và công nghệ được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm cho Sở Khoa học và Công nghệ.

n) Quy định nội dung tổ chức thực hiện

Bảng so sánh nội dung dự thảo Nghị quyết thay thế và Nghị quyết 18/2016/NQ-HĐND (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 194/2018/NQ-HĐND) tại Phụ lục I kèm theo.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN

Thực tế chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố đã được triển khai có hiệu quả trong thời gian qua, kinh phí thực hiện được cân đối từ nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ thành phố.

1. Về nội dung hỗ trợ

Các nội dung hỗ trợ giảm so với quy định trước đây, cụ thể: Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng; Hỗ trợ khi tích hợp cùng một lúc nhiều tiêu chuẩn, các công cụ quản lý tiên tiến trong hệ thống quản lý của doanh nghiệp; Hỗ trợ thực hiện tái chứng nhận hệ thống quản lý; Hỗ trợ khi doanh nghiệp tích hợp bổ sung nhiều tiêu chuẩn quản lý khác vào hệ thống quản lý của doanh nghiệp đã được chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn; Hỗ trợ để thực hiện xây dựng tiêu chuẩn cơ sở; Hỗ trợ hoạt động sở hữu trí tuệ.

2. Về mức hỗ trợ: mức hỗ trợ đối với các nội dung tiếp tục thực hiện hỗ trợ trên cơ sở các quy định trước đây.

3. Dự kiến tổng mức kinh phí thực hiện hỗ trợ khoảng 02 (hai) tỷ đồng/năm (Chi tiết tại Phụ lục II đính kèm).

4. Dự kiến kinh phí tổ chức Tổ thẩm định, Hội đồng khoa học, Hội đồng thẩm định:


Mức chi đề xuất tại dự thảo dựa trên cơ sở tham khảo mức chi tại Nghị quyết số 58/2023/NQ-HĐND ngày 21/9/2023 của HĐND thành phố quy định mức dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và mức chi của một số tỉnh thành có quy định chính sách về hỗ trợ đổi mới công nghệ như: Vĩnh Phúc, Quảng Nam, Thừa Thiên Huế... Đà Nẵng là đô thị loại I trực thuộc trung ương, trung tâm kinh tế – văn hóa – xã hội khu vực miền Trung; đồng thời thực hiện mục tiêu của Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 ban hành kèm Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/05/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; vì vậy, thành phố cần có chính sách đủ mạnh để thu hút các chuyên gia, nhà khoa học tham gia quá trình thẩm định để đánh giá và hỗ trợ đúng đối tượng, đảm bảo mục tiêu đặt ra của chính sách. Mức chi tương đương với các địa phương khác.

Tổng mức kinh phí dự kiến chi hỗ trợ đổi mới công nghệ khoảng 02 (hai) tỷ đồng/năm (trong đó phân bổ hỗ trợ hoạt động nghiên cứu và triển khai, chuyển giao công nghệ là 1,5 tỷ đồng; hỗ trợ hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng là 500 triệu đồng) thì dự kiến tổng mức kinh phí tổ chức Hội đồng khoa học, Hội đồng thẩm định, Tổ thẩm định dự kiến khoảng 93.000.000 đồng/năm (Chi tiết tại Phụ lục III, IV).

Trước đây, Nghị quyết số 18/2016/NQ-HĐND và Nghị quyết số 194/2018/NQ-HĐND không quy định mức chi tổ chức Tổ thẩm định, Hội đồng khoa học, Hội đồng thẩm định; mức chi cho hoạt động này vận dụng theo Quyết định số 39/2020/QĐ-UBND ngày 15/10/2020 của UBND thành phố ban hành quy định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng (hiện nay là Nghị quyết số 58/2023/NQ-HĐND) với tổng kinh phí khoảng 70-80 triệu đồng/năm. Dự kiến khi ban hành Nghị quyết, kinh phí chi cho hoạt động này là 93 triệu đồng; việc tăng kinh phí từ 10-20 triệu đồng/năm nằm trong khả năng cân đối kinh phí được giao hàng năm của Sở Khoa học và Công nghệ.

Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan có trách nhiệm triển khai, hướng dẫn thực hiện chính sách, tiếp nhận và xử lý các hồ sơ đề nghị hỗ trợ. Kinh phí hỗ trợ được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm cho Sở Khoa học và Công nghệ.

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng,

Ủy ban nhân dân thành phố kính trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết định. / 

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT và các PCT UBND TP;
- Ban pháp chế HĐND TP;
- Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, SKHCN, KGVX.

gr +10

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Anh Thi

linhvt-27/06/2024 17:01:59-linhvt-linhvt-linhvt



Phụ lục I

SO SÁNH CÁC NỘI DUNG HỖ TRỢ

(Kèm theo Tờ trình số 117 /TTr-UBND ngày 26 / 6 /2024 của UBND thành phố Đà Nẵng)

STT	Nghị quyết số 18/2016/NQ-HĐND và Nghị quyết số 194/2018/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết	Giải trình nội dung thay đổi
I	Hỗ trợ hoạt động nghiên cứu và triển khai, chuyển giao công nghệ		
	<p>a) Chuyển giao công nghệ độc lập</p> <p>Hỗ trợ đến 70% giá trị hợp đồng mua công nghệ, giải pháp kỹ thuật, quy trình công nghệ, thiết kế kỹ thuật, bí quyết công nghệ.</p> <p>b) Mua thiết bị công nghệ có hàm chứa công nghệ (mỗi doanh nghiệp được hỗ trợ không quá 2 dự án)</p> <ul style="list-style-type: none">- Hỗ trợ đến 30% chi phí mua thiết bị công nghệ có hàm chứa công nghệ cao;- Hỗ trợ đến 15% chi phí mua thiết bị công nghệ có hàm chứa công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất, tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường. <p>c) Hỗ trợ đến 70% chi phí thực hiện:</p>	<p>1. Hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã chi phí mua thiết bị công nghệ phục vụ đổi mới công nghệ</p> <p>a) Hỗ trợ tối đa 30% chi phí mua thiết bị công nghệ có hàm chứa công nghệ cao. Hỗ trợ tối đa 70% chi phí mua thiết bị công nghệ có hàm chứa công nghệ cao kèm theo hợp đồng chuyển giao công nghệ.</p> <p>b) Hỗ trợ tối đa 15% chi phí mua thiết bị công nghệ có hàm chứa công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất, tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.</p> <p>Hỗ trợ tối đa 50% chi phí mua thiết bị công nghệ có hàm chứa công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất, tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường</p>	<p>- Việc diễn đạt mức “hỗ trợ đến” đối với chính sách hỗ trợ hoạt động nghiên cứu và triển khai, chuyển giao công nghệ có thể dẫn đến nhiều cách hiểu. Để nội dung quy định này rõ nghĩa, quy định mức hỗ trợ tối đa.</p> <p>- Việc quy định hỗ trợ “đến 70% chi phí nghiên cứu: tạo công nghệ; giải mã công nghệ; ươm tạo công nghệ; ...” gây khó khăn trong quá trình thẩm định hồ sơ để xác định mức hỗ trợ. Quy định rõ chi phí xác định mức hỗ trợ là chi phí công nghiên cứu.</p> <p>- Việc hỗ trợ trên cơ sở giá trị hợp đồng chuyển giao công nghệ là khó khả thi (lý do: giá trị hợp đồng chuyển giao công nghệ</p>

<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu tạo công nghệ; - Ươm tạo công nghệ; - Thiết kế chế tạo thiết bị công nghệ có hàm chứa công nghệ mới, tiên tiến, công nghệ cao; - Cải tiến công nghệ; - Đổi mới quy trình công nghệ sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng, giảm chi phí, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; - Nghiên cứu giải mã công nghệ (công nghệ cần giải mã là công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ sạch phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của thành phố). Nội dung hỗ trợ bao gồm thực hiện nghiên cứu, thuê chuyên gia thực hiện hoạt động tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật, lao động kỹ thuật, đo lường, thử nghiệm phục vụ hoạt động giải mã công nghệ. <p>d) Các doanh nghiệp được chứng nhận là doanh nghiệp khoa học và công nghệ được hỗ trợ có mức cao hơn đến 5% so với các mức quy định tại điểm a, b, c, khoản 3, Điều 1. Doanh nghiệp khoa học và công nghệ được hỗ trợ không quá 03 dự án theo quy định tại điểm b, khoản 3,</p>	<p>kèm theo hợp đồng chuyển giao công nghệ.</p> <p>2. Hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã tối đa 70% cho chi phí công nghệ mới; giải mã công nghệ; ươm tạo công nghệ; thiết kế chế tạo thiết bị có hàm chứa công nghệ mới, tiên tiến; cải tiến công nghệ; đổi mới quy trình công nghệ sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm chi phí, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường, tiết kiệm năng lượng.</p> <p>3. Kinh phí hỗ trợ cho các dự án quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này không vượt quá 03 (ba) tỷ đồng/doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã trong một năm. Mỗi doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã được hỗ trợ tối đa 02 (hai) dự án.</p>	<p>ngoài phụ thuộc vào giá trị cốt lõi của công nghệ còn phụ thuộc vào thời hạn chuyển giao công nghệ); do đó để khuyến khích hoạt động chuyển giao công nghệ thì nâng mức hỗ trợ đối với các trường hợp mua thiết bị công nghệ có kèm theo hợp đồng chuyển giao công nghệ. Đồng thời, việc hỗ trợ chi phí mua thiết bị công nghệ có hàm chứa công nghệ cao và hỗ trợ chi phí mua thiết bị công nghệ có hàm chứa công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất, tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường không bằng nhau nên việc đề xuất mức hỗ trợ khác nhau cho 02 trường hợp nêu trên.</p> <p>- Việc bổ sung quy định hỗ trợ tối đa 02 (hai) dự án cho mỗi doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã trên cơ sở cân đối nguồn lực ngân sách nhà nước bố trí hàng năm và tạo điều kiện cho nhiều doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã có cơ hội thụ hưởng chính sách; tránh trường hợp tập trung hỗ trợ cho</p>
---	---	---

<p>Điều 1.</p> <p>đ) Kinh phí hỗ trợ cho các dự án quy định tại điểm a, b, c, d, khoản 3, Điều 1 không vượt quá 03 (ba) tỷ đồng/doanh nghiệp trong một năm.</p>		<p>một số doanh nghiệp.</p>
<p>II</p>	<p>Hỗ trợ hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng</p>	
<p>a) Hỗ trợ xây dựng hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ cho xây dựng, đánh giá chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn (ISO 9000, ISO 14000, ISO 22000, ISO 2700..., các tiêu chuẩn hệ thống quản lý khác); - Hỗ trợ khi tích hợp cùng một lúc nhiều tiêu chuẩn, các công cụ quản lý tiên tiến trong hệ thống quản lý của doanh nghiệp; - Hỗ trợ thực hiện tái chứng nhận hệ thống quản lý; - Hỗ trợ khi doanh nghiệp tích hợp bổ sung tiêu chuẩn quản lý khác vào hệ thống quản lý của doanh nghiệp đã được chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn. <p>b) Hỗ trợ thực hiện xây dựng tiêu chuẩn cơ sở. Hỗ trợ không quá 2 tiêu chuẩn/năm cho một doanh nghiệp.</p>	<p>a) Hỗ trợ 30 (ba mươi) triệu đồng cho doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã xây dựng, đánh giá chứng nhận hệ thống quản lý phù hợp tiêu chuẩn (ISO 9001, ISO 14001, ISO 22000, ISO 45001, ISO 13485, ISO 15189, ISO 27001, ISO 50001, ISO 17025 hoặc các tiêu chuẩn hệ thống quản lý khác);</p> <p>b) Hỗ trợ 35 (ba mươi lăm) triệu đồng khi doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã áp dụng cùng một lúc từ 02 (hai) tiêu chuẩn, các công cụ quản lý tiên tiến trở lên trong hệ thống quản lý;</p> <p>c) Mỗi doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã chỉ được hỗ trợ 01 (một) lần cho các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.</p> <p style="text-align: center;">Không quy định</p>	<p>Khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 18/2016/NQ-HĐND giao UBND thành phố xây dựng quy chế cụ thể về việc hỗ trợ hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và sở hữu trí tuệ phù hợp với tình hình thực tế và khả năng đáp ứng nguồn kinh phí hỗ trợ. Tuy nhiên, theo quy định tại Điểm h khoản 9 Điều 30 của Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015: HĐND cấp tỉnh quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù</p>

<p>c) Hỗ trợ đánh giá chứng nhận sản phẩm hợp chuẩn và đánh giá chứng nhận hợp quy. Hỗ trợ không quá 2 sản phẩm/năm cho một doanh nghiệp.</p>	<p>2. Hỗ trợ 15 (mười lăm) triệu đồng/sản phẩm để doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã thực hiện đánh giá chứng nhận sản phẩm, hàng hóa phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn. Hỗ trợ không quá 02 (hai) sản phẩm/năm cho một doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã.</p>	<p>hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương.</p> <p>Nội dung hỗ trợ thực hiện xây dựng tiêu chuẩn cơ sở hiện nay không có cơ sở để đánh giá nên lược bỏ.</p>
<p>d) Hỗ trợ đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ phát minh hoặc sáng chế hoặc giải pháp hữu ích của doanh nghiệp.</p> <p>đ) Hỗ trợ đăng ký sở hữu nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp trong nước.</p> <p>e) Hỗ trợ đăng ký sở hữu nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp ở nước ngoài.</p>	<p>Không quy định</p>	<p>Đồng thời, việc hỗ trợ hoạt động sở hữu trí tuệ đã được quy định tại Nghị quyết số 62/2021/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 của HĐND thành phố quy định mức hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng với mức hỗ trợ cao hơn so với Quyết định số 36/2016/QĐ-UBND.</p> <p>Do đó, để phù hợp với quy định của Luật Ngân sách và quy định thống nhất mức hỗ trợ, bổ sung quy định rõ mức hỗ trợ hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và bỏ quy định hỗ trợ hoạt động sở hữu trí tuệ.</p>



Phụ lục II

KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DỰ KIẾN

(Kèm theo Tờ trình số 117 /TTr-UBND ngày 26 / 6 /2024 của UBND thành phố Đà Nẵng)

Đơn vị tính: triệu đồng

Năm	Dự án đổi mới, cải tiến công nghệ	Lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng	Lĩnh vực sở hữu trí tuệ	Tổng
2017	150	25	0	175
2018	1.800	45	0	1.845
2019	795	125	25	945
2020	1.103	448	6	1.557
2021	1.454	515	21	1.990
2022	1.323	195	6	1.524
2023	0	230	0	230
Từ 01/01/2024-31/01/2024	0	95	0	95
Kinh phí dự kiến sau khi ban hành Nghị quyết thay thế	1.500	500	Không quy định	2.000

Phụ lục III

**BẢNG TÍNH CƠ SỞ TÍNH TOÁN MỨC CHI HỘI ĐỒNG KHOA HỌC, HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH, TỔ THẨM ĐỊNH
HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ**

(Kèm theo Tờ trình số 117 /TTr-UBND ngày 26 / 6 /2024 của UBND thành phố Đà Nẵng)



TT	Nội dung chi	Đề xuất mức chi (tối đa) quy định tại Dự thảo Nghị quyết	Định mức chi tại Nghị quyết số 58/2023/NQ- HĐND	Mức tham khảo ở các tỉnh, thành phố khác			Cơ sở đề xuất
				Vĩnh Phúc	Quảng Nam	Thừa Thiên Huế	
1	Hội đồng khoa học		Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố	Mức chi theo Quyết định 28/2023/QĐ-UBND ngày 29/8/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc "Về việc phê duyệt định mức lập dự toán, quản lý sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa	Việc xây dựng dự toán và công tác quản lý thực hiện dự án được áp dụng các định mức chi quy định tại Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số nội dung	Kinh phí cho Tổ thẩm định, nghiệm thu thực hiện theo quy định tại Điều 8, Quyết định số 04/2024/QĐ-UBND ngày 22/01/2024 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế (Quyết định này thay thế cho Quyết	<p>- Về trách nhiệm của Hội đồng khoa học, Hội đồng thẩm định như sau:</p> <p>+ Xem xét, đánh giá cơ sở khoa học, khả năng áp dụng của dự án hoặc nhiệm vụ khoa học công nghệ vào thực tế sản xuất của các hoạt động đầu tư đổi mới công nghệ, chuyển giao công nghệ.</p> <p>+ Đánh giá và nghiệm thu kết quả các hoạt động đầu tư đổi mới</p>

				<p>bàn tỉnh Vĩnh Phúc". (Quyết định này thay thế cho Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 15/01/2018 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc).</p> <p>(Điều 7, Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 21/4/2020 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc)</p>	<p>và mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Nam. (Nghị quyết này thay cho Nghị quyết số 45/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021)</p> <p>(khoản 3, Điều 1, Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 12/01/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam)</p>	<p>định số 18/2016/QĐ-UBND ngày 15/3/2016).</p> <p>(điểm a, khoản 1, Điều 2, Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 18/3/2021 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế; Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 23/12/2020 của HDDND tỉnh Thừa Thiên Huế)</p>	<p>công nghệ hoàn thiện công nghệ và chuyển giao công nghệ theo quyết định đã được phê duyệt.</p> <p>+ Xác định nội dung, mức hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân và đề xuất với cơ quan có thẩm quyền quyết định mức hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân.</p> <p>- Về trách nhiệm của Tổ thẩm định: rà soát thành phần hồ sơ, nội dung hồ sơ và kinh phí thực hiện dự án đổi mới công nghệ làm cơ sở báo cáo hội đồng</p> <p>Xét về nội dung làm việc, quy mô, tính chất:</p> <p>a) Hội đồng khoa học đánh giá Hồ sơ đề nghị hỗ trợ hoạt động nghiên cứu và triển khai, chuyển giao công nghệ</p>
a	Chi họp Hội đồng						
-	Chủ tịch Hội đồng	1.800.000 đồng/người	1.800.000 đồng/người	1.800.000 đồng/người	1.500.000 đồng/người	1.440.000 đồng/người	

-	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên hội đồng	1.500.000 đồng/người	1.500.000 đồng/người	1.500.000 đồng/người	1.000.000 đồng/người	1.200.000 đồng/người	trung tự như Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố.
-	Thư ký khoa học; thư ký hành chính	300.000 đồng/người	300.000 đồng/người	300.000 đồng/người	300.000 đồng/người	240.000 đồng/người	
-	Đại biểu được mời tham dự	200.000 đồng/người	200.000 đồng/người	200.000 đồng/người	200.000 đồng/người	160.000 đồng/người	
b	Chi nhận xét đánh giá						b) Hội đồng thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng tương tự như Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.
-	Nhận xét của thành viên Hội đồng	700.000 đồng/phiếu	700.000 đồng/phiếu	700.000 đồng/phiếu	400.000 đồng/phiếu	560.000 đồng/người	
2	Hội đồng thẩm định		<i>Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở</i>	Không có Hội đồng thẩm định			
a	Chi họp Hội đồng						c) Tổ thẩm định Hồ sơ đề nghị hỗ trợ hoạt động nghiên cứu và triển khai, chuyển giao công nghệ tương tự như Tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố. Mức đề xuất tại dự thảo dựa trên cơ sở tham khảo mức chi tại Nghị quyết số 58/2023/NQ-
-	Chủ tịch Hội đồng	900.000 đồng/người	900.000 đồng/người		1.500.000 đồng/người	1.440.000 đồng/người	
-	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên hội đồng	750.000 đồng/người	750.000 đồng/người		1.000.000 đồng/người	1.200.000 đồng/người	

-	Thư ký khoa học; thư ký hành chính	150.000 đồng/người	150.000 đồng/người		300.000 đồng/người	240.000 đồng/người	HĐND ngày 21/9/2023 của HĐND thành phố quy định định mức dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Hiện nay, một số tỉnh thành có quy định chính sách về hỗ trợ đổi mới công nghệ như: Vĩnh Phúc, Quảng Nam, Thừa Thiên Huế... cũng áp dụng mức chi trên cơ sở mức dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Đồng thời, theo quy định tại điểm h khoản 9 Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 quy định: HĐND cấp tỉnh quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương
-	Đại biểu được mời tham dự	100.000 đồng/người	100.000 đồng/người		200.000 đồng/người	160.000 đồng/người	
b	Chi nhận xét đánh giá						
-	Nhận xét của thành viên Hội đồng	350.000 đồng/phiếu	350.000 đồng/phiếu		400.000 đồng/phiếu	560.000 đồng/người	
3	Tổ thẩm định		<i>Tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố</i>	Không có Tổ thẩm định	Không có Tổ thẩm định		
a	Tổ trưởng Tổ thẩm định	1.000.000 đồng/người	1.000.000 đồng/người			800.000 đồng/người	
b	Thành viên Tổ thẩm định	700.000 đồng/người	700.000 đồng/người			560.000 đồng/người	
c	Thư ký hành chính	300.000 đồng/người	300.000 đồng/người			240.000 đồng/người	
d	Đại biểu được mời tham dự	200.000 đồng/người	200.000 đồng/người			160.000 đồng/người	
4	Chi tiền tài liệu, văn phòng phẩm	Thanh toán theo hóa					

	phục vụ Hội đồng khoa học, Hội đồng thẩm định, Tổ thẩm định	đơn thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt.					
--	---	---	--	--	--	--	--

linhvt-27/06/2024 17:01:59-linhvt-linhvt-linhvt

Phụ lục IV

DỰ TOÁN KINH PHÍ TỔ CHỨC HỘI ĐỒNG KHOA HỌC, HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH, TỔ THẨM ĐỊNH HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ

(Kèm theo Tờ trình số 117/TTr-UBND ngày 26/6/2024 của UBND thành phố Đà Nẵng)

STT	Nội dung	Số lượng	Mức chi cho 01 Hội đồng (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Hội đồng khoa học	03	12.000.000	36.000.000
2	Hội đồng thẩm định	12	4.000.000	48.000.000
3	Tổ thẩm định	03	3.000.000	9.000.000
Tổng				93.000.000

linhvt-27/06/2024 17:01:59-linhvt-linhvt

**ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH DỰ KIẾN
BAN HÀNH MỚI TRONG DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN**

Tên dự án, dự thảo văn bản: Nghị quyết của HĐND thành phố Đà Nẵng ban hành quy định chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 1: Hỗ trợ hoạt động nghiên cứu và triển khai, chuyển giao công nghệ

**I. SỰ CẦN THIẾT CỦA QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI
DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN**

<p>1. Nội dung cụ thể trong ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương?</p>	<p>a) Nội dung cụ thể trong ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương:</p> <p>Quy định chính sách hoạt động nghiên cứu và triển khai, chuyển giao công nghệ phù hợp với đặc thù, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Đà Nẵng.</p> <p>b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quản lý hoặc ban hành các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương:</p> <p>Để đảm bảo việc tổ chức xét chọn, hỗ trợ được công khai, minh bạch, bình đẳng, không trùng lặp, đảm bảo các quyền lợi, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân tham gia chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ</p>
<p>2. Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm?</p>	<p>a) Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm:</p> <p>Để đảm bảo quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đề nghị hỗ trợ đổi mới công nghệ, đồng thời quy định trách nhiệm thực hiện của các cơ quan quản lý nhà nước. TTHC được xây dựng với đầy đủ các cấu phần (phạm vi, đối tượng, loại hình, điều kiện, nguyên tắc, trình tự, cách thức, hồ sơ, thời hạn, kết quả...).</p> <p>b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quy định:</p> <p>TTHC với các cấu phần được quy định đầy đủ và</p>

	chặt chẽ là biện pháp hữu hiệu nhất giúp bảo đảm quyền và lợi ích của các tổ chức, cá nhân, đảm bảo việc xét hồ trợ công khai, minh bạch.
3. Lý do lựa chọn biện pháp quy định thủ tục hành chính để thực hiện yêu cầu quản lý nhà nước hoặc thực hiện các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức?	<p>a) Lý do quy định thủ tục hành chính: TTHC với các cấu phần được quy định đầy đủ và chặt chẽ là biện pháp hữu hiệu nhất giúp bảo đảm quyền và lợi ích của tổ chức, cá nhân, đảm bảo việc xét hồ trợ công khai, minh bạch.</p> <p>b) Nêu rõ điều, khoản quy định thủ tục hành chính tại dự án, dự thảo văn bản: Quy định tại Điều 10, Chương III, Quy định chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng ban hành kèm theo Nghị quyết.</p>
4. Có biện pháp nào khác có thể sử dụng mà không phải bằng quy định thủ tục hành chính không?	<p>Không</p> <p>Nếu Không, nêu rõ lý do: TTHC với các cấu phần được quy định đầy đủ và chặt chẽ là biện pháp hữu hiệu nhất giúp bảo đảm quyền và lợi ích của tổ chức, cá nhân, đảm bảo việc xét hồ trợ công khai, minh bạch. Việc quy định TTHC tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã cũng như cơ quan xử lý TTHC trong quá trình triển khai thực hiện.</p>
II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP PHÁP CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	
1. Có được ban hành theo đúng thẩm quyền không?	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ lý do: Thủ tục hành chính đặc thù quy định theo đúng thẩm quyền quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) và các quy định của pháp luật về kiểm soát thủ tục hành chính.</p>
2. Có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác không?	<p>Với văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Tên bộ phận tạo thành:</p>

	<p>+ Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng:</p> <p>+ Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hoặc lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo</p> <p>- Với văn bản của cơ quan khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Nếu Có, đề nghị nêu rõ:</p> <p>+ Tên bộ phận tạo thành:</p> <p>+ Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng:</p> <p>+ Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hoặc lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo</p> <p>- Với điều ước quốc tế có liên quan mà CHXHCN Việt Nam là thành viên: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Nếu Có, đề nghị nêu rõ:</p> <p>+ Tên bộ phận tạo thành:</p> <p>+ Nêu rõ điều, khoản, điều ước quốc tế tương ứng:</p> <p>+ Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính tương thích với điều ước quốc tế hoặc lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo</p>
--	--

III. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Tên thủ tục hành chính

Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?

Có Không

Nêu rõ lý do: xác định rõ ràng, cụ thể tên của thủ tục hành chính phù hợp với nội dung hỗ trợ nêu tại Điều 6 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết

2. Trình tự thực hiện

a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước

Có Không

Nêu rõ lý do: Trình tự thực hiện được quy định cụ thể

thực hiện không?	tại Điều 10, Chương III, Quy định chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng ban hành kèm theo Nghị quyết.
b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không?	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ lý do: Việc quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của Chủ tịch UBND thành phố, Sở Khoa học và Công nghệ, Hội đồng khoa học, Tổ thẩm định, đảm bảo vai trò, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân và hiệu quả khi thực hiện thủ tục hành chính.</p>
c) Có áp dụng cơ chế liên thông không?	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ lý do: Quá trình xử lý hồ sơ thủ tục hành chính áp dụng cơ chế một cửa liên thông</p>
d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không?	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nếu Có, nêu rõ nội dung quy định:</p> <p>“c) Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Tổ thẩm định hồ sơ</p> <p>Hồ sơ đủ và hợp lệ, trong 10 (mười) ngày làm việc, Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Tổ thẩm định để tiến hành thẩm định hồ sơ và tiến hành kiểm tra thực tế tại đơn vị.</p> <p>Trên cơ sở kết quả làm việc của Tổ thẩm định, trong 07 (bảy) ngày làm việc, Sở Khoa học và Công nghệ đề nghị tổ chức, cá nhân bổ sung, làm rõ thêm nội dung dự án và các hồ sơ liên quan. Thời gian bổ sung hoàn thiện hồ sơ tối đa không quá 10 (mười) ngày làm việc.</p> <p>d) Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức Hội đồng khoa học đánh giá hồ sơ đề nghị hỗ trợ</p> <p>Trong 10 (mười) ngày làm việc, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức Hội đồng khoa học đánh giá hồ sơ đề nghị hỗ trợ.</p> <p>Trường hợp hồ sơ không đáp ứng điều kiện quy định hỗ trợ, Sở Khoa học và Công nghệ có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.</p>

	<p>Trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, Sở Khoa học và Công nghệ có văn bản đề nghị doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã hoàn thiện, bổ sung hồ sơ. Thời gian hoàn thiện, bổ sung hồ sơ không quá 10 (mười) ngày làm việc; hết thời hạn hoàn thiện, bổ sung hồ sơ, nếu doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã không thực hiện hoàn thiện, bổ sung hồ sơ thì Sở Khoa học và Công nghệ có văn bản từ chối hỗ trợ và nêu rõ lý do."</p> <p>Lý do quy định: đánh giá kết quả của dự án đổi mới công nghệ là cơ sở quan trọng cho việc xem xét, quyết định mức hỗ trợ kinh phí phù hợp.</p> <p>- Các biện pháp có thể thay thế: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Nếu Có, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo:</p>
<p>3. Cách thức thực hiện</p>	
<p>a) Nộp hồ sơ:</p> <p>Trực tiếp <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Bưu chính <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Điện tử <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>b) Nhận kết quả:</p> <p>Trực tiếp <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Bưu chính <input type="checkbox"/></p> <p>Điện tử <input type="checkbox"/></p>	<p>- Có được quy định rõ ràng, cụ thể không?</p> <p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ lý do: quy định rõ ràng, cụ thể để doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã có nhiều lựa chọn trong việc nộp hồ sơ.</p> <p>- Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không?</p> <p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ lý do: phù hợp với điều kiện thành phố xây dựng hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thành phố Đà Nẵng, tạo điều kiện thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện.</p> <p>Đối với cách thức nhận kết quả, chỉ sử dụng hình thức trực tiếp vì doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã phải thực hiện ký hợp đồng nhận hỗ trợ kinh phí và các thủ tục để giải ngân kinh phí hỗ trợ sau khi có Quyết định phê duyệt hỗ trợ của Chủ tịch UBND thành phố.</p>

4. Thành phần, số lượng hồ sơ	
a) Tên thành phần hồ sơ 1: Đơn đề nghị hỗ trợ	<p>- Nêu rõ lý do quy định: Cung cấp các thông tin sơ bộ về nội dung đề nghị hỗ trợ.</p> <p>- Yêu cầu về hình thức: Theo mẫu quy định tại Phụ lục I Quy định kèm theo Nghị quyết</p> <p>Lý do quy định: thống nhất các thông tin sơ bộ về nội dung đề nghị hỗ trợ.</p>
b) Tên thành phần hồ sơ 2: Bản sao chứng thực Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Quyết định thành lập tổ chức, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.	<p>- Nêu rõ lý do quy định: Cung cấp thông tin pháp lý về đối tượng đề nghị hỗ trợ.</p> <p>- Yêu cầu về hình thức: Bản sao chứng thực</p> <p>Lý do quy định: Đảm bảo tính pháp lý của đối tượng đề nghị hỗ trợ theo quy định.</p>
c) Tên thành phần hồ sơ 3: Dự án đổi mới, cải tiến công nghệ kèm theo nội dung báo cáo kết quả triển khai đổi mới công nghệ	<p>- Nêu rõ lý do quy định: Cung cấp thông tin chi tiết về nội dung đề nghị hỗ trợ làm cơ sở để xem xét, quyết định việc hỗ trợ.</p> <p>- Yêu cầu về hình thức: Theo mẫu quy định tại Phụ lục II Quy định kèm theo Nghị quyết</p> <p>Lý do quy định: cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết về nội dung đề nghị hỗ trợ và đảm bảo tính rõ ràng, khoa học của báo cáo thuyết minh dự án.</p>
d) Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính không?	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ:</p> <p>- Bản sao chứng thực các giấy tờ: hợp đồng mua thiết bị công nghệ kèm theo; hóa đơn chứng từ có liên quan; chứng thư thẩm định giá thiết bị công nghệ của đơn vị có chức năng thẩm định giá theo quy định hiện hành đối với trường hợp mua thiết bị công nghệ; hợp đồng chuyển giao công nghệ (trường hợp có hợp đồng chuyển giao công nghệ).</p> <p>- Hồ sơ chứng minh chi phí thực hiện nghiên cứu tạo công nghệ; giải mã công nghệ; urom tạo công nghệ; thiết kế chế tạo thiết bị có hàm chứa công nghệ mới,</p>

	<p>tiên tiến; cải tiến công nghệ; đổi mới quy trình công nghệ sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng, giảm chi phí, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường, tiết kiệm năng lượng.</p> <p>- Xác nhận nợ thuế của năm trước liền kề, xác nhận việc đóng bảo hiểm xã hội đối với người lao động của năm trước liền kề, xác nhận việc chấp hành các quy định về bảo vệ môi trường của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p> <p>- Bản sao chứng thực các giấy tờ khác (nếu có): biên bản nghiệm thu, lắp đặt thiết bị; các hồ sơ có liên quan đến chất lượng sản phẩm; văn bản công nhận kết quả nghiên cứu của cơ quan có thẩm quyền và các hồ sơ khác có liên quan đến các điều kiện được ưu tiên.</p>
d) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ	Lý do (nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên):
5. Thời hạn giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>- Nêu rõ thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: 60 (sáu mươi) ngày làm việc</p> <p>Lý do quy định: bảo đảm tiết kiệm thời gian cho cá nhân, tổ chức và phù hợp với khả năng của cơ quan giải quyết thủ tục hành chính, đảm bảo hiệu quả của việc thực hiện TTHC</p>
b) Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan?	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Lý do quy định: để đảm bảo tiến độ, hiệu quả của việc thực hiện TTHC.</p>
6. Đối tượng thực hiện	

<p>a) Đối tượng thực hiện:</p>	<p>- Tổ chức: Trong nước <input checked="" type="checkbox"/> Nước ngoài <input type="checkbox"/></p> <p>Mô tả rõ: Doanh nghiệp (không bao gồm doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài), tổ chức, hợp tác xã trên địa bàn thành phố có hoạt động đổi mới công nghệ</p> <p>Lý do quy định: các đối tượng thụ hưởng chính sách sẽ trực tiếp thực hiện</p> <p>- Cá nhân: Trong nước <input type="checkbox"/> Nước ngoài <input type="checkbox"/></p> <p>Mô tả rõ:</p> <p>Lý do quy định:</p> <p>- Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không?:</p> <p>Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ lý do: đối tượng thực hiện chính sách đã được quy định cụ thể trong nội dung chính sách</p>
<p>b) Phạm vi áp dụng:</p>	<p>- Toàn quốc <input type="checkbox"/> Vùng <input type="checkbox"/> Địa phương <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>- Nông thôn <input type="checkbox"/> Đô thị <input type="checkbox"/> Miền núi <input type="checkbox"/></p> <p>- Biên giới, hải đảo <input type="checkbox"/></p> <p>- Lý do quy định: chính sách quy định hỗ trợ cho các doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã trên địa bàn thành phố Đà Nẵng</p> <p>- Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?:</p> <p>Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ lý do: chính sách quy định hỗ trợ cho các doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã trên địa bàn thành phố Đà Nẵng</p>
<p>Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: 03 (ba)</p>	
<p>7. Cơ quan giải quyết</p>	
<p>a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không?</p>	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>- Lý do quy định: Phân công rõ trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ trong triển khai chính sách, làm đầu mối tiếp nhận và xử lý, giải quyết thủ tục hành chính; trách nhiệm của Chủ tịch UBND thành phố là phê duyệt Quyết định hỗ trợ.</p>

b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: Vì Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan tham mưu, giúp UBND thành phố quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ. Do đó, việc quy định Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ, theo dõi tình trạng và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính là phù hợp.
8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có)	
a) Có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không?	- Lệ phí: Không <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Nếu có, nêu rõ lý do: - Phí: Không <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Nếu Có nêu rõ lý do:..... - Chi phí khác: Không <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ lý do: - Nêu rõ mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu được quy định tại dự án, dự thảo): + Mức phí (hoặc đính kèm biểu phí): + Mức lệ phí (hoặc đính kèm biểu lệ phí): + Mức chi phí khác: + Mức phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có phù hợp không: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Lý do: - Nếu mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu có) chưa được quy định tại dự án, dự thảo thì nêu rõ lý do:
b) Quy định về cách thức, thời điểm nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có hợp lý không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nội dung quy định: Lý do quy định:
9. Mẫu đơn, tờ khai	
a) Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Lý do: Cung cấp các thông tin sơ bộ về nội dung đề nghị hỗ trợ.

<p>b) Tên mẫu đơn, tờ khai 1: Đơn đề nghị hỗ trợ</p>	<p>- Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai:</p> <p>+ Nội dung thông tin 1: Thông tin chung về tổ chức đề nghị hỗ trợ (Tên tổ chức, địa chỉ, điện thoại, fax, email, thông tin người đại diện theo pháp luật)</p> <p>Lý do quy định: cung cấp các thông tin cơ bản về đối tượng đề nghị hỗ trợ</p> <p>+ Nội dung thông tin 2: Nội dung đề nghị hỗ trợ (lĩnh vực hỗ trợ, nội dung hỗ trợ, mức đề nghị hỗ trợ)</p> <p>Lý do quy định: cung cấp thông tin cơ bản về nội dung đề nghị hỗ trợ</p> <p>+ Nội dung thông tin 3: Các tài liệu kèm theo</p> <p>Lý do quy định: liệt kê các tài liệu kèm theo Đơn đề nghị làm cơ sở để xem xét hỗ trợ.</p> <p>- Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: Người đại diện theo pháp luật ký xác nhận và đóng dấu</p> <p>Lý do quy định: xác nhận và chịu trách nhiệm đối với thông tin khai tại đơn.</p>
<p>d) Ngôn ngữ</p>	<p>- Tiếng Việt <input checked="" type="checkbox"/> Song ngữ <input type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ loại song ngữ:</p> <p>Lý do quy định (trong trường hợp mẫu đơn song ngữ):</p>
<p>10. Yêu cầu, điều kiện</p>	
<p>Có quy định yêu cầu, điều kiện không?</p>	<p>Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Lý do quy định:</p>
<p>11. Kết quả thực hiện</p>	
<p>a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì?</p>	<p>- Giấy phép <input type="checkbox"/></p> <p>- Giấy chứng nhận <input type="checkbox"/></p>

	- Giấy đăng ký <input type="checkbox"/> - Chứng chỉ <input type="checkbox"/> - Thẻ <input type="checkbox"/> - Quyết định hành chính <input checked="" type="checkbox"/> - Văn bản xác nhận/chấp thuận <input type="checkbox"/> - Loại khác: <input type="checkbox"/> Đề nghị nêu rõ: Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bản giấy <input checked="" type="checkbox"/> Bản điện tử <input type="checkbox"/>
b) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính có được mẫu hóa phù hợp không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Lý do: Kết quả giải quyết là Quyết định hành chính của nhà nước
c) Quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> - Nếu Có, nêu thời hạn cụ thể: tháng/ năm. - Nếu Không, nêu rõ lý do:
d) Quy định về phạm vi có hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Toàn quốc <input type="checkbox"/> Địa phương <input type="checkbox"/> Lý do:
IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ	
Họ và tên người điền: Đinh Hữu Tuyển Điện thoại cố định: 0236.3887429; Di động: 0918388744; E-mail: tuyendh@danang.gov.vn	

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 2: Hỗ trợ hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

I. SỰ CẦN THIẾT CỦA QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN	
1. Nội dung cụ thể trong ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính	a) Nội dung cụ thể trong ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương:

<p>chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương?</p>	<p>Quy định chính sách hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng phù hợp với đặc thù, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Đà Nẵng.</p> <p>b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quản lý hoặc ban hành các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương:</p> <p>Để đảm bảo việc tổ chức xét chọn, hỗ trợ được công khai, minh bạch, bình đẳng, không trùng lặp, đảm bảo các quyền lợi, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân tham gia chính sách hỗ trợ hoạt động tiêu chuẩn đo lường chất lượng.</p>
<p>2. Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm?</p>	<p>a) Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm:</p> <p>Để đảm bảo quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đề nghị hỗ trợ hoạt động tiêu chuẩn đo lường chất lượng, đồng thời quy định trách nhiệm thực hiện của các cơ quan quản lý nhà nước. TTHC được xây dựng với đầy đủ các cấu phần (phạm vi, đối tượng, loại hình, điều kiện, nguyên tắc, trình tự, cách thức, hồ sơ, thời hạn, kết quả...).</p> <p>b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quy định:</p> <p>TTHC với các cấu phần được quy định đầy đủ và chặt chẽ là biện pháp hữu hiệu nhất giúp bảo đảm quyền và lợi ích của các tổ chức, cá nhân, đảm bảo việc xét hỗ trợ công khai, minh bạch.</p>
<p>3. Lý do lựa chọn biện pháp quy định thủ tục hành chính để thực hiện yêu cầu quản lý nhà nước hoặc thực hiện các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức?</p>	<p>a) Lý do quy định thủ tục hành chính:</p> <p>TTHC với các cấu phần được quy định đầy đủ và chặt chẽ là biện pháp hữu hiệu nhất giúp bảo đảm quyền và lợi ích của tổ chức, cá nhân, đảm bảo việc xét hỗ trợ công khai, minh bạch.</p> <p>b) Nêu rõ điều, khoản quy định thủ tục hành chính tại dự án, dự thảo văn bản:</p> <p>Quy định tại Điều 10, Chương III, Quy định chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng ban hành kèm theo Nghị quyết.</p>
<p>4. Có biện pháp nào khác có thể sử dụng mà không phải bằng quy</p>	<p>Không</p> <p>Nếu Không, nêu rõ lý do: TTHC với các cấu phần</p>

định thủ tục hành chính không?	được quy định đầy đủ và chặt chẽ là biện pháp hữu hiệu nhất giúp bảo đảm quyền và lợi ích của tổ chức, cá nhân, đảm bảo việc xét hồ trợ công khai, minh bạch. Việc quy định TTHC tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã cũng như cơ quan xử lý TTHC trong quá trình triển khai thực hiện.
--------------------------------	--

II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP PHÁP CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Có được ban hành theo đúng thẩm quyền không?	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ lý do: Thủ tục hành chính đặc thù quy định theo đúng thẩm quyền quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) và các quy định của pháp luật về kiểm soát thủ tục hành chính.</p>
2. Có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác không?	<p>- Với văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên:</p> <p>Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Nếu Có, đề nghị nêu rõ:</p> <p>+ Tên bộ phận tạo thành:</p> <p>+ Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng:</p> <p>+ Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hoặc lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo</p> <p>- Với văn bản của cơ quan khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Nếu Có, đề nghị nêu rõ:</p> <p>+ Tên bộ phận tạo thành:</p> <p>+ Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng:</p> <p>+ Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hoặc lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo</p> <p>- Với điều ước quốc tế có liên quan mà CHXHCN Việt Nam là thành viên: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Nếu Có, đề nghị nêu rõ:</p> <p>+ Tên bộ phận tạo</p>

	thành: + Nêu rõ điều, khoản, điều ước quốc tế tương ứng: + Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính tương thích với điều ước quốc tế hoặc lý do văn quy định như tại dự án, dự thảo
III. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	
1. Tên thủ tục hành chính	
Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: xác định rõ ràng, cụ thể tên của thủ tục hành chính phù hợp với nội dung hỗ trợ nêu tại Điều 7 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết .
2. Trình tự thực hiện	
a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: Trình tự thực hiện được quy định cụ thể tại Điều 11, Chương III, Quy định chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng ban hành kèm theo Nghị quyết.
b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: Việc quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của Sở Khoa học và Công nghệ, Hội đồng thẩm định,...đảm bảo vai trò, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân và hiệu quả khi thực hiện thủ tục hành chính.
c) Có áp dụng cơ chế liên thông không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: Việc tiếp nhận và xử lý hồ sơ thủ tục hành chính do Sở Khoa học và Công nghệ trực tiếp thực hiện và Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ ban hành Quyết định phê duyệt hỗ trợ, do đó không thực hiện cơ chế liên thông.
d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ nội dung quy định:

<p>nước không?</p>	<p>“c) Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức Hội đồng thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ</p> <p>Hồ sơ đủ và hợp lệ, trong 20 (hai mươi) ngày làm việc, Sở Khoa học và Công nghệ thành lập và tổ chức Hội đồng thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ.</p> <p>Trường hợp hồ sơ không đáp ứng điều kiện quy định hỗ trợ, Sở Khoa học và Công nghệ có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.</p> <p>Trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, Sở Khoa học và Công nghệ có văn bản đề nghị doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã hoàn thiện, bổ sung hồ sơ. Thời gian hoàn thiện, bổ sung hồ sơ không quá 10 (mười) ngày làm việc; hết thời hạn hoàn thiện, bổ sung hồ sơ, nếu doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã không thực hiện hoàn thiện, bổ sung hồ sơ thì Sở Khoa học và Công nghệ có văn bản từ chối hỗ trợ và nêu rõ lý do.”</p> <p>Lý do quy định: đánh giá kết quả của dự án đổi mới công nghệ là cơ sở quan trọng cho việc xem xét, quyết định mức hỗ trợ kinh phí phù hợp.</p> <p>- Các biện pháp có thể thay thế: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Nếu Có, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo:.....</p>
--------------------	---

3. Cách thức thực hiện

<p>a) Nộp hồ sơ:</p> <p>Trực tiếp <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Bưu chính <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Điện tử <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>b) Nhận kết quả:</p> <p>Trực tiếp <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Bưu chính <input type="checkbox"/></p> <p>Điện tử <input type="checkbox"/></p>	<p>- Có được quy định rõ ràng, cụ thể không?</p> <p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ lý do: quy định rõ ràng, cụ thể để doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã có nhiều lựa chọn trong việc nộp hồ sơ</p> <p>- Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không?</p> <p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ lý do: phù hợp với điều kiện thành phố xây dựng hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thành phố Đà Nẵng, tạo điều kiện thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi</p>
--	--

	<p>thực hiện.</p> <p>Đối với cách thức nhận kết quả, chỉ sử dụng hình thức trực tiếp vì doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã phải thực hiện ký hợp đồng nhận hỗ trợ kinh phí và các thủ tục để giải ngân kinh phí hỗ trợ sau khi có Quyết định phê duyệt hỗ trợ của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.</p>
4. Thành phần, số lượng hồ sơ	
a) Tên thành phần hồ sơ 1: Đơn đề nghị hỗ trợ	<p>- Nêu rõ lý do quy định: Cung cấp các thông tin sơ bộ về nội dung đề nghị hỗ trợ.</p> <p>- Yêu cầu về hình thức: Theo mẫu quy định tại Phụ lục I Quy định kèm theo Nghị quyết.</p> <p>Lý do quy định: thống nhất các thông tin sơ bộ về nội dung đề nghị hỗ trợ.</p>
b) Tên thành phần hồ sơ 2: Bản sao chứng thực Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Quyết định thành lập tổ chức, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.	<p>- Nêu rõ lý do quy định: Cung cấp thông tin pháp lý về đối tượng đề nghị hỗ trợ.</p> <p>- Yêu cầu về hình thức: Bản sao chứng thực</p> <p>Lý do quy định: Đảm bảo tính pháp lý của đối tượng đề nghị hỗ trợ theo quy định.</p>
c) Tên thành phần hồ sơ 3: Bản sao chứng thực Quyết định và Giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng; bản sao chứng thực Quyết định và Giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn/quy chuẩn	<p>- Nêu rõ lý do quy định: Cung cấp thông tin chi tiết về nội dung đề nghị hỗ trợ làm cơ sở để xem xét, quyết định việc hỗ trợ.</p> <p>- Yêu cầu về hình thức: Bản sao chứng thực</p> <p>Lý do quy định: cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết về nội dung đề nghị hỗ trợ.</p>
d) Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ:</p> <p>- Xác nhận nợ thuế của năm trước liền kề, xác nhận việc đóng bảo hiểm xã hội đối với người lao động của năm trước liền kề, xác nhận việc chấp hành các quy định về bảo vệ môi trường của cơ quan nhà nước</p>

thủ tục hành chính không?	có thẩm quyền.
d) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ	Lý do (nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên):
5. Thời hạn giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: 30 (ba mươi) ngày làm việc</p> <p>Lý do quy định: bảo đảm tiết kiệm thời gian cho cá nhân, tổ chức và phù hợp với khả năng của cơ quan giải quyết thủ tục hành chính, đảm bảo hiệu quả của việc thực hiện TTHC</p>
b) Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan?	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Lý do quy định: để đảm bảo tiến độ, hiệu quả của việc thực hiện TTHC.</p>
6. Đối tượng thực hiện	
a) Đối tượng thực hiện:	<p>- Tổ chức: Trong nước <input checked="" type="checkbox"/> Nước ngoài <input type="checkbox"/></p> <p>Mô tả rõ: Doanh nghiệp (không bao gồm doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài), tổ chức, hợp tác xã trên địa bàn thành phố có hoạt động đổi mới công nghệ</p> <p>Lý do quy định: các đối tượng thụ hưởng chính sách sẽ trực tiếp thực hiện</p> <p>- Cá nhân: Trong nước <input type="checkbox"/> Nước ngoài <input type="checkbox"/></p> <p>Mô tả rõ:</p> <p>Lý do quy định:</p> <p>- Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không?:</p> <p>Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ lý do: đối tượng thực hiện chính sách đã được</p>

	quy định cụ thể trong nội dung chính sách
b) Phạm vi áp dụng:	<p>- Toàn quốc <input type="checkbox"/> Vùng <input type="checkbox"/> Địa phương <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>- Nông thôn <input type="checkbox"/> Đô thị <input type="checkbox"/> Miền núi <input type="checkbox"/></p> <p>- Biên giới, hải đảo <input type="checkbox"/></p> <p>- Lý do quy định: chính sách quy định hỗ trợ cho các doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã trên địa bàn thành phố Đà Nẵng</p> <p>- Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ lý do: chính sách quy định hỗ trợ cho các doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã trên địa bàn thành phố Đà Nẵng</p>
Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: 12 (mười hai)	
7. Cơ quan giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không?	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>- Lý do quy định: Phân công rõ trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ trong triển khai chính sách, làm đầu mối tiếp nhận và xử lý, giải quyết thủ tục hành chính.</p>
b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?	<p>Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ lý do: Vì Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan tham mưu, giúp UBND thành phố quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ; bên cạnh đó, thẩm quyền phê duyệt hỗ trợ là Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ. Do đó, việc quy định Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ, theo dõi tình trạng và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính là phù hợp.</p>
8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có)	
a) Có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không?	<p>- Lệ phí: Không <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/></p> <p>Nếu có, nêu rõ lý do:</p> <p>- Phí: Không <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/></p> <p>Nếu Có nêu rõ lý do:.....</p>

	<p>- Chi phí khác: Không <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/></p> <p>Nếu Có, nêu rõ lý do:</p> <p>- Nêu rõ mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu được quy định tại dự án, dự thảo):</p> <p>+ Mức phí (hoặc đính kèm biểu phí):</p> <p>+ Mức lệ phí (hoặc đính kèm biểu lệ phí):</p> <p>+ Mức chi phí khác:</p> <p>+ Mức phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có phù hợp không: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Lý do:</p> <p>- Nếu mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu có) chưa được quy định tại dự án, dự thảo thì nêu rõ lý do:</p>
<p>b) Quy định về cách thức, thời điểm nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có hợp lý không?</p>	<p>Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Nội dung quy định:</p> <p>Lý do quy định:</p>
<p>9. Mẫu đơn, tờ khai</p>	
<p>a) Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?</p>	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Lý do: Cung cấp các thông tin sơ bộ về nội dung đề nghị hỗ trợ.</p>
<p>b) Tên mẫu đơn, tờ khai 1: Đơn đề nghị hỗ trợ</p>	<p>- Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai:</p> <p>+ Nội dung thông tin 1: Thông tin chung về tổ chức đề nghị hỗ trợ (Tên tổ chức, địa chỉ, điện thoại, fax, email, thông tin người đại diện theo pháp luật)</p> <p>Lý do quy định: cung cấp các thông tin cơ bản về đối tượng đề nghị hỗ trợ</p> <p>+ Nội dung thông tin 2: Nội dung đề nghị hỗ trợ (lĩnh vực hỗ trợ, nội dung hỗ trợ, mức đề nghị hỗ trợ)</p> <p>Lý do quy định: cung cấp thông tin cơ bản về nội dung đề nghị hỗ trợ</p> <p>+ Nội dung thông tin 3: Các tài liệu kèm theo</p> <p>Lý do quy định: liệt kê các tài liệu kèm theo Đơn đề nghị làm cơ sở để xem xét hỗ trợ.</p>

	<p>- Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: Người đại diện theo pháp luật ký xác nhận và đóng dấu</p> <p>Lý do quy định: xác nhận và chịu trách nhiệm đối với thông tin khai tại đơn.</p>
d) Ngôn ngữ	<p>- Tiếng Việt <input checked="" type="checkbox"/> Song ngữ <input type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ loại song ngữ:</p> <p>Lý do quy định (trong trường hợp mẫu đơn song ngữ):.....</p>
10. Yêu cầu, điều kiện	
Có quy định yêu cầu, điều kiện không?	<p>Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Lý do quy định:</p>
11. Kết quả thực hiện	
a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì?	<p>- Giấy phép <input type="checkbox"/></p> <p>- Giấy chứng nhận <input type="checkbox"/></p> <p>- Giấy đăng ký <input type="checkbox"/></p> <p>- Chứng chỉ <input type="checkbox"/></p> <p>- Thẻ <input type="checkbox"/></p> <p>- Quyết định hành chính <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>- Văn bản xác nhận/chấp thuận <input type="checkbox"/></p> <p>- Loại khác: <input type="checkbox"/> Đề nghị nêu rõ:</p> <p>Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bản giấy <input checked="" type="checkbox"/> Bản điện tử <input type="checkbox"/></p>
b) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính có được mẫu hóa phù hợp không?	<p>Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Lý do: Kết quả giải quyết là Quyết định hành chính của nhà nước</p>
c) Quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành	<p>Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>- Nếu Có, nêu thời hạn cụ thể: tháng/ năm.</p>

chính có hợp lý không (nếu có)?	- Nếu Không, nêu rõ lý do:
d) Quy định về phạm vi có hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Toàn quốc <input type="checkbox"/> Địa phương <input type="checkbox"/> Lý do:
IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ	
Họ và tên người điền: Đinh Hữu Tuyên Điện thoại cố định: 0236.3887429; Di động: 0918388744; E-mail: tuyendh@danang.gov.vn	

linhvvt-27/06/2024 17:01:59-linhvt-linhvt-linhvt

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Số trang bình quân	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác										0	
3.1	Phí										0	
3.2	Lệ phí										0	
3.3	Chi phí khác (nếu có)										0	
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)										0	
5	Công việc khác (nếu có)										0	
6	Nhận kết quả	Trực tiếp		1	43.000			1	12	43.000	516.000	
		Bưu chính										
		Điện tử										
TỔNG										513.800	6.294.600	

II. CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỎ UNG HOẶC BẢO BẢO (Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 18/2016/NQ-HĐND và Nghị quyết số 194/2018/NQ-HĐND)

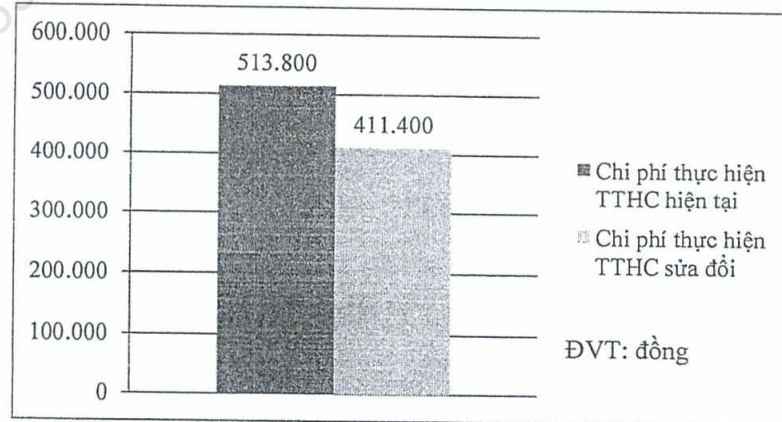
STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Số trang bình quân	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ (01 bộ hồ sơ)									325.400	3.904.800	- GRDP năm 2022 của TP Đà Nẵng là 124.436 tỷ đồng, dân số là 1.220.200 người (theo niên giám thống kê của Cục Thống
1.1	Đơn đề nghị hỗ trợ	Lập đơn đề nghị hỗ trợ theo biểu mẫu, in ấn, photo	2	2	43.000	2.000		1	12	88.000	1.056.000	

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Số trang bình quân	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)										0	
5	Công việc khác (nếu có)											
6	Nhận kết quả	Trực tiếp		1	43.000			1	12	43.000	516.000	
		Bưu điện										
		Điện tử										
TỔNG										411.400	4.936.800	

III. SO SÁNH CHI PHÍ

1. So sánh chi phí thực hiện TTHC (đối với 01 đối tượng tuân thủ)

Chi phí thực hiện TTHC cho 01 đối tượng tuân thủ giảm từ 513.800 đồng xuống 411.400 đồng (giảm 20%) sau khi số lượng hồ sơ được cắt giảm



2. So sánh tổng chi phí thực hiện TTHC trong 1 năm

Tổng chi phí tuân thủ TTHC trong 01 năm giảm từ 6.294.600 đồng xuống 4.936.800 đồng sau khi số lượng hồ sơ và số lượng thủ tục hành chính được cắt giảm.

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Số trang bình quân	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)	Chuẩn bị nội dung phục vụ quá trình thẩm định, Hội đồng khoa học		20	43000			1	3	860000	2.580.000	
5	Công việc khác (nếu có)										0	
6	Nhận kết quả	Trực tiếp		1	43.000			1	2	43.000	86.000	
		Bưu chính										
		Điện tử										
TỔNG										5.756.800	17.227.400	

II. CHI PHÍ TUẦN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ UNG HOẶC BÀI BỎ (Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 18/2016/NQ-HĐND và Nghị quyết số 194/2018/NQ-HĐND)

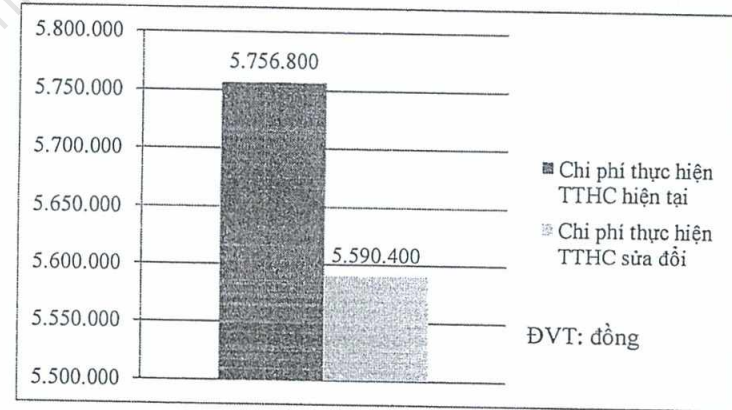
STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Số trang bình quân	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ (01 bộ hồ sơ)									4.644.400	13.933.200	
1.1	Đơn đề nghị hỗ trợ	Lập đơn đề nghị hỗ trợ theo biểu mẫu, in ấn, photo	2	2	43.000	2.000		1	3	88.000	264.000	- GRDP năm 2022 của TP Đà Nẵng là 124.436 tỷ đồng, dân số là 1.220.200 người (theo niên giám thống kê của Cục Thống kê). Tương ứng mức TNBQ/1 giờ làm việc là 43.000 đồng. - Chi phí dịch vụ gồm:
1.2	Bản sao chứng thực Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Quyết định thành lập tổ chức, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã	Chứng thực, photo	2	1	43.000	8.400		1	3	51.400	154.200	
1.3	Dự án đổi mới, cải tiến công nghệ kèm theo nội dung báo cáo kết quả triển khai đổi mới công nghệ	Lập thuyết minh dự án đổi mới, cải tiến công nghệ	100	100	43.000	0		1	3	4.300.000	12.900.000	

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Số trang bình quân	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)	Chuẩn bị nội dung phục vụ quá trình thẩm định, Hội đồng khoa học		20	43000			1	3	860000	2.580.000	
5	Công việc khác (nếu có)											
6	Nhận kết quả	Trực tiếp		1	43.000			1	3	43.000	129.000	
		Bưu điện										
		Điện tử										
TỔNG										5.590.400	16.771.200	

III. SO SÁNH CHI PHÍ

1. So sánh chi phí thực hiện TTHC (đối với 01 đối tượng tuân thủ)

Chi phí thực hiện TTHC cho 01 đối tượng tuân thủ giảm từ 5.756.800 đồng xuống 5.590.400 đồng (giảm 2%) sau khi số lượng hồ sơ được cắt giảm



2. So sánh tổng chi phí thực hiện TTHC trong 1 năm

Tổng chi phí tuân thủ TTHC trong 01 năm giảm từ 17.227.400 đồng xuống 16.771.200 đồng sau khi số lượng hồ sơ được cắt giảm

Số: /2024/NQ-HĐND

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ
trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
KHÓA X, NHIỆM KỲ 2021-2026, KỲ HỌP THỨ 18**

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12 tháng 6 năm 2017;
Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19 tháng 6 năm 2017;
Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;
Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;
Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều về Luật Ngân sách Nhà nước;
Căn cứ Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chuyển giao công nghệ;
Căn cứ Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND thành phố dự thảo Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội

đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2024 và thay thế Nghị quyết số 18/2016/NQ-HĐND ngày 11 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ và Nghị quyết số 194/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 18/2016/NQ-HĐND.

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các hồ sơ đề nghị hỗ trợ đã được tiếp nhận trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì tiếp tục xét duyệt để hưởng hỗ trợ theo Nghị quyết số 18/2016/NQ-HĐND và Nghị quyết số 194/2018/NQ-HĐND.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026 thông qua tại Kỳ họp thứ 18 ngày tháng năm 2024./.

Nơi nhận:

- UBND, Chính phủ, VP Chủ tịch nước;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ KH&CN;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- BTV Thành ủy, cơ quan tham mưu, giúp việc Thành ủy;
- Đoàn ĐBQH TP;
- UBND, UBMTTQVN TP;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND TP;
- Văn phòng UBND thành phố;
- Các sở, ngành, đoàn thể TP;
- Quận, huyện ủy; HĐND, UBND, UBMTTQ các quận, huyện;
- Báo ĐN, Báo CATP ĐN, Đài PTTH ĐN, TT TTVN tại ĐN (VTV8), Công TTĐT thành phố;
- Công báo thành phố;
- Lưu: VT, CTHĐ.

CHỦ TỊCH

QUY ĐỊNH

Chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

(Kèm theo Nghị quyết số /2024/NQ-HĐND ngày tháng năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng được hỗ trợ

a) Các doanh nghiệp sản xuất, dịch vụ và thương mại trên địa bàn thành phố được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp (không bao gồm các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài), hợp tác xã có hoạt động: nghiên cứu tạo công nghệ; thực hiện đổi mới, cải tiến công nghệ hoặc xây dựng và áp dụng các hệ thống quản lý phù hợp tiêu chuẩn quốc tế; áp dụng các phương pháp và mô hình tiên tiến để cải tiến chất lượng; chứng nhận sản phẩm, hàng hoá phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn.

b) Các tổ chức trên địa bàn thành phố có hoạt động: nghiên cứu tạo công nghệ mới, nghiên cứu công nghệ tạo sản phẩm mới, sản phẩm công nghệ cao; giải mã công nghệ, triển khai ứng dụng công nghệ mới, tiên tiến, cải tiến công nghệ thực hiện chuyển giao cho các doanh nghiệp hoặc thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, kết quả giải mã công nghệ hoặc xây dựng và áp dụng các hệ thống quản lý phù hợp tiêu chuẩn quốc tế; áp dụng các phương pháp và mô hình tiên tiến để cải tiến chất lượng; chứng nhận sản phẩm, hàng hoá phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn.

2. Các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tổ chức, triển khai thi hành Nghị quyết này.

Điều 3. Loại hình công nghệ được hỗ trợ

1. Công nghệ cao và sản phẩm công nghệ cao (thuộc danh mục theo Quyết định số 38/2020/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển).

2. Công nghệ nhằm nâng giá trị gia tăng, cải tiến nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hoá; Công nghệ giảm chi phí sản xuất, tăng năng suất lao động; Công nghệ thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng.

3. Tiếp nhận công nghệ tiên tiến; các phương pháp gia công mới, tiên tiến; công nghệ thuộc các lĩnh vực ưu tiên phát triển.

4. Nghiên cứu tạo công nghệ mới, thiết kế, chế tạo thiết bị công nghệ mới thay thế thiết bị nhập ngoại, nghiên cứu giải mã công nghệ, ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học công nghệ.

5. Thực hiện xây dựng và áp dụng các hệ thống quản lý phù hợp tiêu chuẩn quốc tế; áp dụng các phương pháp và mô hình tiên tiến để cải tiến chất lượng; chứng nhận sản phẩm, hàng hoá phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn.

6. Các trường hợp đặc biệt (hỗ trợ cho các doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã tiếp nhận công nghệ có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển của lĩnh vực, ngành, phát triển khoa học và công nghệ, phát triển kinh tế - xã hội của thành phố) do Chủ tịch UBND thành phố quyết định.

Điều 4. Điều kiện được hỗ trợ

1. Các doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã được hỗ trợ kinh phí thực hiện đổi mới công nghệ phải đảm bảo các điều kiện như sau:

a) Nội dung đề nghị hỗ trợ phù hợp với quy định tại Chương II của Quy định này.

b) Chấp hành đầy đủ các nghĩa vụ về thuế đối với Nhà nước, bảo hiểm xã hội cho người lao động và các quy định về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

c) Thời điểm nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ không quá 36 tháng tính từ ngày bắt đầu triển khai thực hiện dự án đổi mới công nghệ.

2. Các doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã thực hiện chuyển giao công nghệ hoặc nghiên cứu, cải tiến, giải mã, ươm tạo công nghệ ngoài đáp ứng các yêu cầu tại khoản 1 Điều này, phải đảm bảo:

a) Là chủ sở hữu hoặc có quyền chuyển giao đối với công nghệ được chuyển giao trong trường hợp doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã thực hiện chuyển giao công nghệ.

b) Có năng lực thực hiện nghiên cứu, cải tiến, giải mã, ươm tạo công nghệ trong trường hợp doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã thực hiện nghiên cứu, cải tiến, giải mã, ươm tạo công nghệ.

3. Điều kiện ưu tiên

a) Tham gia sản xuất sản phẩm chủ lực của thành phố; sản xuất hàng xuất khẩu, các mặt hàng thuộc các lĩnh vực được thành phố ưu tiên phát triển.

b) Có trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ.

c) Doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã đạt Giải thưởng Chất lượng quốc gia Việt Nam.

d) Có hoạt động chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao theo quy định của Chính phủ.

Trường hợp trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ của một doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã nếu có doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã khác nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ đối với công nghệ hoặc thiết bị có sử dụng công nghệ tương tự nhau thì ưu tiên các doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã đáp ứng được nhiều điều kiện hơn quy định tại khoản này.

Điều 5. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Việc hỗ trợ đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, bình đẳng, không trùng lặp.

2. Không hỗ trợ đối với các dự án đã và đang thực hiện bằng nguồn vốn của Nhà nước hoặc đã nhận từ nguồn khác của Nhà nước.

3. Không hỗ trợ cho doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã nhận công nghệ được chuyển giao từ các doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã đã được hỗ trợ theo Nghị quyết này hoặc đã nhận hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.

4. Không hỗ trợ cho doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã nhận công nghệ bị cấm hoặc hạn chế chuyển giao theo quy định của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ hoặc dự án nghiên cứu có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng và sức khỏe con người.

5. Đối với công nghệ hoặc thiết bị có sử dụng công nghệ tương tự nhau chỉ hỗ trợ một lần và cho một doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã.

6. Trường hợp thuộc đối tượng ưu đãi, hỗ trợ của nhiều chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ thì doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã được chọn chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ có mức hỗ trợ cao nhất.

CHƯƠNG II

NỘI DUNG VÀ MỨC CHI

Điều 6. Hỗ trợ hoạt động nghiên cứu và triển khai, chuyển giao công nghệ

1. Hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã chi phí mua thiết bị công nghệ phục vụ đổi mới công nghệ

a) Hỗ trợ tối đa 30% chi phí mua thiết bị công nghệ có hàm chứa công nghệ cao. Hỗ trợ tối đa 70% chi phí mua thiết bị công nghệ có hàm chứa công nghệ cao kèm theo hợp đồng chuyển giao công nghệ.

b) Hỗ trợ tối đa 15% chi phí mua thiết bị công nghệ có hàm chứa công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất, tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

Hỗ trợ tối đa 50% chi phí mua thiết bị công nghệ có hàm chứa công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất, tiết kiệm năng

lượng, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường kèm theo hợp đồng chuyển giao công nghệ.

2. Hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã tối đa 70% cho chi phí công nghiên cứu: tạo công nghệ mới; giải mã công nghệ; ươm tạo công nghệ; thiết kế chế tạo thiết bị có hàm chứa công nghệ mới, tiên tiến; cải tiến công nghệ; đổi mới quy trình công nghệ sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm chi phí, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường, tiết kiệm năng lượng.

3. Kinh phí hỗ trợ cho các dự án quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này không vượt quá 03 (ba) tỷ đồng/doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã trong một năm. Mỗi doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã được hỗ trợ tối đa 02 (hai) dự án.

Điều 7. Hỗ trợ hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

1. Hỗ trợ xây dựng hệ thống quản lý phù hợp tiêu chuẩn

a) Hỗ trợ 30 (ba mươi) triệu đồng cho doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã xây dựng, đánh giá chứng nhận hệ thống quản lý phù hợp tiêu chuẩn (ISO 9001, ISO 14001, ISO 22000, ISO 45001, ISO 13485, ISO 15189, ISO 27001, ISO 50001, ISO 17025 hoặc các tiêu chuẩn hệ thống quản lý khác);

b) Hỗ trợ 35 (ba mươi lăm) triệu đồng khi doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã áp dụng cùng một lúc từ 02 (hai) tiêu chuẩn, các công cụ quản lý tiên tiến trở lên trong hệ thống quản lý;

c) Mỗi doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã chỉ được hỗ trợ 01 (một) lần cho các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

2. Hỗ trợ 15 (mười lăm) triệu đồng/sản phẩm để doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã thực hiện đánh giá chứng nhận sản phẩm, hàng hóa phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn. Hỗ trợ không quá 02 (hai) sản phẩm/năm cho một doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã.

Điều 8. Nội dung và mức chi tổ chức Hội đồng khoa học, Hội đồng thẩm định, Tổ thẩm định

1. Nội dung và mức chi tổ chức Hội đồng khoa học, Hội đồng thẩm định, Tổ thẩm định

TT	Nội dung chi	Mức chi (tối đa)
1	Hội đồng khoa học	
a	Chi hợp Hội đồng	
-	Chủ tịch Hội đồng	1.800.000 đồng/người
-	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên hội đồng	1.500.000 đồng/người
-	Thư ký khoa học; thư ký hành chính	300.000 đồng/người
-	Đại biểu được mời tham dự	200.000 đồng/người
b	Chi nhận xét đánh giá	

-	Nhận xét của thành viên Hội đồng	700.000 đồng/phiếu
2	Hội đồng thẩm định	
a	Chi họp Hội đồng	
-	Chủ tịch Hội đồng	900.000 đồng/người
-	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên hội đồng	750.000 đồng/người
-	Thư ký khoa học; thư ký hành chính	150.000 đồng/người
-	Đại biểu được mời tham dự	100.000 đồng/người
b	Chi nhận xét đánh giá	
-	Nhận xét của thành viên Hội đồng	350.000 đồng/phiếu
3	Tổ thẩm định	
a	Tổ trưởng Tổ thẩm định	1.000.000 đồng/người
b	Thành viên Tổ thẩm định	700.000 đồng/người
c	Thư ký hành chính	300.000 đồng/người
d	Đại biểu được mời tham dự	200.000 đồng/người
4	Chi tiền tài liệu, văn phòng phẩm phục vụ Hội đồng khoa học, Hội đồng thẩm định, Tổ thẩm định	Thanh toán theo hóa đơn thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt.

2. Mức chi tại khoản 1 Điều này là mức chi tối đa. Trên cơ sở hồ sơ đề nghị hỗ trợ và khối lượng công việc cụ thể của từng Hội đồng, Tổ thẩm định; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định mức chi cụ thể đối với từng Hội đồng, Tổ thẩm định.

CHƯƠNG III

THẨM QUYỀN, THỦ TỤC VÀ TRÌNH TỰ XÉT HỖ TRỢ

Điều 9. Thẩm quyền quyết định hỗ trợ

1. Chủ tịch UBND thành phố quyết định hỗ trợ hoạt động nghiên cứu và triển khai, chuyển giao công nghệ theo Điều 6 Quy định này.

2. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định hỗ trợ hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng theo Điều 7 Quy định này.

Điều 10. Trình tự, thủ tục xét hỗ trợ hoạt động nghiên cứu và triển khai, chuyển giao công nghệ

1. Trình tự thực hiện

a) Doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã gửi hồ sơ đề nghị hỗ trợ đến Sở Khoa học và Công nghệ.

b) Sở Khoa học và Công nghệ tiếp nhận, xem xét hồ sơ trong 03 (ba) ngày làm việc. Nếu hồ sơ chưa hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ trả hồ sơ để doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã hoàn thiện hồ sơ.

c) Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Tổ thẩm định hồ sơ

Hồ sơ đủ và hợp lệ, trong 10 (mười) ngày làm việc, Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Tổ thẩm định để tiến hành thẩm định hồ sơ và tiến hành kiểm tra thực tế tại đơn vị.

Trên cơ sở kết quả làm việc của Tổ thẩm định, trong 07 (bảy) ngày làm việc, Sở Khoa học và Công nghệ đề nghị tổ chức, cá nhân bổ sung, làm rõ thêm nội dung dự án và các hồ sơ liên quan. Thời gian bổ sung hoàn thiện hồ sơ tối đa không quá 10 (mười) ngày làm việc.

d) Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức Hội đồng khoa học đánh giá hồ sơ đề nghị hỗ trợ

Trong 10 (mười) ngày làm việc, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức Hội đồng khoa học đánh giá hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

Trường hợp hồ sơ không đáp ứng điều kiện quy định hỗ trợ, Sở Khoa học và Công nghệ có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

Trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, Sở Khoa học và Công nghệ có văn bản đề nghị doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã hoàn thiện, bổ sung hồ sơ. Thời gian hoàn thiện, bổ sung hồ sơ không quá 10 (mười) ngày làm việc; hết thời hạn hoàn thiện, bổ sung hồ sơ, nếu doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã không thực hiện hoàn thiện, bổ sung hồ sơ thì Sở Khoa học và Công nghệ có văn bản từ chối hỗ trợ và nêu rõ lý do.

đ) Sở Khoa học và Công nghệ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt hỗ trợ

Trong 15 (mười lăm) ngày làm việc, Sở Khoa học và Công nghệ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

e) Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt hỗ trợ kinh phí

Trong 15 (mười lăm) ngày làm việc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3. Thành phần hồ sơ gồm có:

a) Đơn đề nghị hỗ trợ (Theo Mẫu đơn tại Phụ lục I).

b) Bản sao chứng thực Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Quyết định thành lập tổ chức, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

c) Dự án đổi mới, cải tiến công nghệ kèm theo nội dung báo cáo kết quả triển khai đổi mới công nghệ (Theo Mẫu dự án tại Phụ lục II).

d) Bản sao chứng thực các giấy tờ: hợp đồng mua thiết bị công nghệ kèm theo; hóa đơn chứng từ có liên quan; chứng thu thẩm định giá thiết bị công nghệ của đơn vị có chức năng thẩm định giá theo quy định hiện hành đối với trường hợp mua thiết bị công nghệ; hợp đồng chuyển giao công nghệ (trường hợp có hợp đồng chuyển giao công nghệ) quy định tại khoản 1 Điều 6 Quy định này.

đ) Hồ sơ chứng minh chi phí thực hiện nghiên cứu tạo công nghệ; giải mã công nghệ; ươm tạo công nghệ; thiết kế chế tạo thiết bị có hàm chứa công nghệ mới, tiên tiến; cải tiến công nghệ; đổi mới quy trình công nghệ sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng, giảm chi phí, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường, tiết kiệm năng lượng.

e) Xác nhận nợ thuế của năm trước liền kề, xác nhận việc đóng bảo hiểm xã hội đối với người lao động của năm trước liền kề, xác nhận việc chấp hành các quy định về bảo vệ môi trường của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

g) Bản sao chứng thực các giấy tờ khác (nếu có): biên bản nghiệm thu, lắp đặt thiết bị; các hồ sơ có liên quan đến chất lượng sản phẩm; văn bản công nhận kết quả nghiên cứu của cơ quan có thẩm quyền và các hồ sơ khác có liên quan đến các điều kiện được ưu tiên.

4. Cách thức thực hiện:

a) Nộp hồ sơ

Doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã nộp hồ sơ về Sở Khoa học và Công nghệ theo một trong các hình thức sau:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Khoa học và Công nghệ.

- Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính, dịch vụ bưu chính công ích.

- Nộp hồ sơ trực tuyến.

b) Trả kết quả

Trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Khoa học và Công nghệ.

5. Thời hạn giải quyết: 60 (Sáu mươi) ngày làm việc.

6. Cơ quan giải quyết:

a) Cơ quan thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ.

b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND thành phố

7. Kết quả thực hiện: Quyết định phê duyệt hỗ trợ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 11. Trình tự, thủ tục xét hỗ trợ hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

1. Trình tự thực hiện

a) Doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã gửi hồ sơ đề nghị hỗ trợ đến Sở Khoa học và Công nghệ.

b) Sở Khoa học và Công nghệ tiếp nhận, xem xét hồ sơ trong 03 (ba) ngày làm việc. Nếu hồ sơ chưa hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ trả hồ sơ để doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã hoàn thiện hồ sơ.

c) Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức Hội đồng thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ

Hồ sơ đủ và hợp lệ, trong 20 (hai mươi) ngày làm việc, Sở Khoa học và Công nghệ thành lập và tổ chức Hội đồng thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

Trường hợp hồ sơ không đáp ứng điều kiện quy định hỗ trợ, Sở Khoa học và Công nghệ có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

Trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, Sở Khoa học và Công nghệ có văn bản đề nghị doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã hoàn thiện, bổ sung hồ sơ. Thời gian hoàn thiện, bổ sung hồ sơ không quá 10 (mười) ngày làm việc; hết thời hạn hoàn thiện, bổ sung hồ sơ, nếu doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã không thực hiện hoàn thiện, bổ sung hồ sơ thì Sở Khoa học và Công nghệ có văn bản từ chối hỗ trợ và nêu rõ lý do.

d) Trong 07 (bảy) ngày làm việc, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, ban hành quyết định hỗ trợ kinh phí.

2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3. Thành phần hồ sơ gồm có:

a) Đơn đề nghị (Theo Mẫu tại Phụ lục I).

b) Bản sao chứng thực Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Quyết định thành lập tổ chức, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;

c) Bản sao chứng thực Quyết định và Giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng; bản sao chứng thực Quyết định và Giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn/quy chuẩn.

d) Xác nhận nợ thuế của năm trước liền kề, xác nhận việc đóng bảo hiểm xã hội đối với người lao động của năm trước liền kề, xác nhận việc chấp hành các quy định về bảo vệ môi trường của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Cách thức thực hiện:

a) Nộp hồ sơ

Doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã nộp hồ sơ về Sở Khoa học và Công nghệ theo một trong các hình thức sau:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Khoa học và Công nghệ.

- Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính, dịch vụ bưu chính công ích.

- Nộp hồ sơ trực tuyến.

b) Trả kết quả

Trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Khoa học và Công nghệ.

5. Thời hạn giải quyết: 30 (ba mươi) ngày làm việc.

6. Cơ quan giải quyết: Sở Khoa học và Công nghệ

7. Kết quả thực hiện: Quyết định phê duyệt hỗ trợ của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

CHƯƠNG IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Kinh phí thực hiện chính sách

1. Nguồn kinh phí

Nguồn kinh phí chi sự nghiệp khoa học và công nghệ được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm cho Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Nguyên tắc sử dụng kinh phí

a) Kinh phí thực hiện chính sách được bảo đảm chi cho các hoạt động hỗ trợ đổi mới công nghệ và chi cho công tác tổ chức thẩm định, đánh giá hồ sơ đề nghị hỗ trợ, phù hợp với chủ trương, chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ của thành phố.

b) Các doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã sử dụng kinh phí hỗ trợ đổi mới công nghệ phải đúng mục đích, đúng chế độ, chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan chức năng có thẩm quyền; thực hiện quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định hiện hành.

Điều 13. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm:

a) Cân đối bố trí ngân sách hàng năm để thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

b) Ban hành quy định việc thành lập và quy chế hoạt động của Tổ thẩm định, Hội đồng khoa học, Hội đồng thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

c) Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì triển khai chính sách, tiếp nhận và xử lý hồ sơ theo nội dung Nghị quyết.

2. Trong trường hợp có sự thay đổi, điều chỉnh về trình tự, thủ tục thực hiện các nội dung chính sách, Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố để xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.

Phụ lục I

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

(Ban hành kèm theo Quy định chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng kèm theo Nghị quyết số /2024/NQ-HĐND ngày tháng năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng

- Tên doanh nghiệp/tổ chức/hợp tác xã đề nghị hỗ trợ:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Fax:
- E-mail:
- Người đại diện theo pháp luật:
 - Họ và tên:
 - Chức vụ:
- Đề nghị xem xét hỗ trợ cho dự án: <Tên dự án>

TT	Lĩnh vực hỗ trợ	Nội dung hỗ trợ cụ thể/ Mức đề nghị hỗ trợ
1		
2		
.....		

8. Các tài liệu kèm theo:

(1)

(2)

...

Chúng tôi cam đoan các hồ sơ gửi đến Sở Khoa học và Công nghệ là đúng sự thật.
Kính đề nghị quý Sở quan tâm xem xét.

....., ngày tháng ... năm ...

NGƯỜI ĐẠI DIỆN
DOANH NGHIỆP/ TỔ CHỨC/ HỢP TÁC XÃ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục II

MẪU DỰ ÁN ĐỔI MỚI, CẢI TIẾN CÔNG NGHỆ

(Ban hành kèm theo Quy định chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng kèm theo Nghị quyết số /2024/NQ-HĐND ngày tháng năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng)

A. ĐỐI VỚI DỰ ÁN NGHIÊN CỨU: TẠO CÔNG NGHỆ MỚI; GIẢI MÃ CÔNG NGHỆ; ƯƠM TẠO CÔNG NGHỆ; THIẾT KẾ CHẾ TẠO THIẾT BỊ CÓ HÀM CHỨA CÔNG NGHỆ MỚI, TIÊN TIẾN; CẢI TIẾN CÔNG NGHỆ; ĐỔI MỚI QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT ĐỂ NÂNG CAO NĂNG SUẤT, CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, GIẢM CHI PHÍ, GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG XẤU ĐẾN MÔI TRƯỜNG, TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG

Phần đầu

- Trang bìa (Tên tổ chức, tên dự án, tên Chủ nhiệm dự án, Thời gian thực hiện, Địa danh, tháng năm)
- Mục lục
- Danh mục bảng, biểu, hình
- Danh mục từ viết tắt, ký hiệu, thuật ngữ... dùng trong báo cáo

Phần chính

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1.1. Tên dự án:

1.2. Thời gian thực hiện:.....tháng (từ tháng....năm 20.....đến tháng...năm 20....)

1.3. Lĩnh vực khoa học của dự án (Tự nhiên; Nông, lâm, ngư nghiệp; Kỹ thuật và công nghệ; Y dược...)

1.4. Thông tin về đơn vị chủ trì thực hiện dự án:

Tên đầy đủ:.....

Địa chỉ:

Điện thoại:..... Email:.....

Website:

Số tài khoản:

Kho bạc nhà nước/Ngân hàng:

Đại diện pháp lý:Chức vụ:

Báo cáo sơ bộ về tình hình hoạt động của đơn vị:.....

1.5. Thông tin về cá nhân chủ nhiệm dự án:

Họ và tên:

Ngày, tháng, năm sinh: Giới tính: Nam / Nữ

Đơn vị công tác:

Chức vụ:.....

Học hàm, Học vị/Trình độ chuyên môn:.....

Điện thoại:..... Email:

Địa chỉ đơn vị công tác:.....

Địa chỉ nhà riêng:

1.6. Các thành viên tham gia thực hiện dự án

(Ghi những người có đóng góp khoa học và chủ trì thực hiện những nội dung chính thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện dự án)

TT	Họ và tên, học hàm học vị	Tổ chức công tác	Nội dung, công việc chính tham gia	Thời gian làm việc cho dự án (Số tháng quy đổi ¹)	Chữ ký
1					
2					
3					

1.7. Kinh phí thực hiện:

Tổng kinh phí thực hiện dự án:.....triệu đồng

Nguồn kinh phí:

- Từ vốn của đơn vị:.....triệu đồng

- Từ nguồn khác (ghi rõ nguồn):.....triệu đồng

II. TỔNG QUAN DỰ ÁN

2.1. Căn cứ xây dựng dự án

Căn cứ pháp lý: Chủ trương, chính sách, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương,...

Căn cứ thực tiễn và tính cấp thiết: Nhu cầu của doanh nghiệp, ngành, địa phương; vấn đề và nhiệm vụ đặt ra cần giải quyết và tính cấp thiết cần xây dựng và triển khai dự án

2.2. Mục tiêu của dự án: Mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của dự án

2.3. Tình trạng dự án

Mới Kế tiếp hướng nghiên cứu của chính nhóm tác giả

¹ Một (01) tháng quy đổi là tháng làm việc gồm 22 ngày, mỗi ngày làm việc gồm 8 tiếng

Kế tiếp nghiên cứu của người khác

2.4. Tổng quan về tình hình nghiên cứu/thực hiện nội dung tương tự của dự án:

Ngoài nước: *Phân tích đánh giá được những công trình nghiên cứu có liên quan và những kết quả nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu của dự án; nêu được những bước tiến về trình độ KH&CN của những kết quả nghiên cứu đó.*

Trong nước: *Phân tích, đánh giá tình hình nghiên cứu trong nước thuộc lĩnh vực nghiên cứu của dự án, đặc biệt phải nêu cụ thể được những kết quả KH&CN liên quan đến dự án mà các cán bộ tham gia dự án đã thực hiện. Nếu có các đề tài, dự án cùng bản chất đã và đang được thực hiện ở cấp khác, nơi khác thì phải giải trình rõ các nội dung kỹ thuật liên quan đến dự án này.*

III. NỘI DUNG DỰ ÁN

Cần mô tả chi tiết các nội dung và các hạng mục công việc cụ thể đã thực hiện để đạt được mục tiêu của dự án và làm nổi bật được các nội dung:

3.1. Đánh giá kết quả triển khai đổi mới công nghệ

3.2. Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng để giải mã/ươm tạo/thiết kế chế tạo áp dụng trong quá trình thực hiện dự án

(Luận cứ rõ cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu, thiết kế nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sẽ sử dụng gắn với từng nội dung chính của dự án; so sánh với các phương pháp giải quyết tương tự khác và phân tích để làm rõ được tính mới, tính độc đáo, tính sáng tạo của dự án)

Cách tiếp cận:.....

Phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:.....

Tính mới, tính độc đáo, tính sáng tạo:

3.3. Đánh giá công nghệ: có thuộc danh mục công nghệ cao, danh mục công nghệ khuyến khích chuyên giao; trình độ công nghệ; công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ sạch. Làm rõ ưu/nhược điểm của công nghệ/thiết bị công nghệ so với các sản phẩm cùng loại.

3.4. Quy trình thực hiện nghiên cứu công nghệ/giải mã công nghệ/ươm tạo công nghệ/thiết kế chế tạo thiết bị công nghệ.

3.5. Đặc tính kỹ thuật của công nghệ/thiết bị công nghệ

3.6. Hướng dẫn vận hành/sử dụng công nghệ/thiết bị công nghệ

3.7. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

+ Trình bày các nội dung nghiên cứu đã được thực hiện, những hạng mục chủ yếu đã được tiến hành.

+ Trình bày đầy đủ quá trình hoàn thiện công nghệ hoặc thích nghi/làm chủ/hợp lý hoá công nghệ và (hoặc) thử nghiệm đã tiến hành (nếu có).

+ Trình bày các kết quả nghiên cứu.

+ Phân tích, đánh giá kết quả thu được (về tính chính xác, độ tin cậy, ý nghĩa các kết quả), so sánh, biện luận trên cơ sở các dẫn liệu khoa học, đối chiếu với các nghiên cứu khác đã có để chứng minh luận cứ và khả năng áp dụng. Đưa ra được kết luận theo từng nội dung.

+ Tổng quát hóa và đánh giá đầy đủ, toàn diện kết quả thu được của nhiệm vụ.

+ Luận giải rõ những hạng mục/nội dung do chủ dự án tự nghiên cứu/Thực hiện; hạng mục/nội dung kế thừa các nghiên cứu/Thực hiện đã có hoặc thuê chuyên gia tư vấn/đơn vị khác thực hiện ...

IV. Sản phẩm, kết quả của dự án

4.1. Sản phẩm của dự án đạt được

4.2. Tính khả thi của dự án, khả năng ứng dụng, triển khai sản phẩm, kết quả dự án vào thực tế

4.3. Tình hình thương mại hoá sản phẩm

4.3. Đối tượng có khả năng tham gia, thụ hưởng, ứng dụng sản phẩm/kết quả của dự án.

V. Hiệu quả kinh tế - xã hội, môi trường của dự án

5.1. Hiệu quả kinh tế của dự án mang lại cho chủ dự án, các đối tượng kinh tế - xã hội khác, nguồn thu ngân sách,.....

5.2. Hiệu quả về bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng của dự án

5.3. Hiệu quả về xã hội

VI. Khả năng khắc phục các nhược điểm/tồn tại, hướng phát triển dự án

6.1 Tóm tắt các nhược điểm/tồn tại của sản phẩm từ kết quả nghiên cứu qua quá trình triển khai áp dụng thực tế.

6.2. Phương án khắc phục các nhược điểm/tồn tại của sản phẩm từ kết quả nghiên cứu trong thời gian tới.

6.3. Phương hướng phát triển dự án

VII. Tiến độ thực hiện dự án

STT	Công việc thực hiện các nội dung dự án	Mục tiêu/kết quả/sản phẩm	Thời gian (bắt đầu và kết thúc)
1	<i>Nội dung 1</i>		
	- Công việc 1		
	- Công việc 2		
2	<i>Nội dung 2</i>		
	- Công việc 1		
	- Công việc 2		

VIII. Kinh phí thực hiện dự án*Đơn vị: triệu đồng*

STT	Hạng mục	Tổng số kinh phí	Trong đó:				
			Chi phí nghiên cứu/giải mã/ươm tạo/thiết kế chế tạo			Máy móc, thiết bị	Nguyên vật liệu, năng lượng
			Chi phí lao động trực tiếp	Thuê khoán chuyên môn	Chi quản lý dự án và chi khác		

Trong đó:**Khoản 1. Công lao động trực tiếp***Đơn vị: triệu đồng*

TT	Nội dung công việc	Chức danh nghiên cứu	Hệ số lao động khoa học	Số người trong nhóm chức danh	Định mức thù lao tháng của Chủ nhiệm	Tổng số tháng quy đổi của chức danh/nhóm chức danh	Tổng thù lao thực hiện nhiệm vụ	Nguồn vốn			Ghi chú
								Ngân sách	Tự có	Khác	

Khoản 2. Chi tiết khoản nguyên vật liệu, năng lượng*Đơn vị: triệu đồng*

STT	Nội dung chi	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Chứng từ chứng minh
Tổng:						

Khoản 3. Chi tiết khoản máy móc, thiết bị*Đơn vị: triệu đồng*

STT	Nội dung chi	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Chứng từ chứng minh

Tổng:						

Khoản 4. Chi khác*Đơn vị: triệu đồng*

STT	Nội dung chi	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Chứng từ chứng minh
Tổng:						

IX. Kết luận và Kiến nghị:**9.1. Kết luận****9.2. Kiến nghị****Phần cuối****Tài liệu tham khảo**

Các phụ lục liên quan (Hoá đơn chứng từ mua sắm thiết bị, nguyên vật liệu; Hợp đồng mua bán công nghệ, sản phẩm là kết quả của dự án; các bảng biểu; kết quả phân tích, kiểm nghiệm; các bảng điều tra, bảng tính số liệu, mẫu biểu, hình chụp, sơ đồ, quy trình công nghệ, bản vẽ... cần minh họa hoặc hỗ trợ cho báo cáo)

B. ĐỐI VỚI DỰ ÁN MUA THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ PHỤC VỤ ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ

Phần đầu

- Trang bìa (Tên tổ chức, tên dự án, Thời gian thực hiện, Địa danh, tháng năm)
- Mục lục
- Danh mục bảng, biểu, hình
- Danh mục từ viết tắt, ký hiệu, thuật ngữ... dùng trong báo cáo

Phần chính

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1.1. Tên dự án:

1.2. Loại hình: Mua thiết bị công nghệ/ Mua thiết bị công nghệ có kèm theo Hợp đồng chuyển giao công nghệ.

1.3. Thời gian thực hiện:.....tháng (từ tháng....năm 20.....đến tháng...năm 20....)

1.4. Thông tin về đơn vị chủ trì thực hiện dự án:

Tên đầy đủ:.....

Địa chỉ:

Điện thoại:..... Email:.....

Website:

Số tài khoản:

Kho bạc nhà nước/Ngân hàng:

Đại diện pháp lý: Chức vụ:

Số tài khoản:

II. TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA ĐƠN VỊ

2.1. Lịch sử hình thành

2.2. Số lượng cán bộ công nhân viên

2.3. Các sản phẩm chính và quy mô sản xuất

2.4. Tình hình hoạt động, sản xuất, kinh doanh, thị trường cung cấp nguyên vật liệu, thị trường xuất khẩu...

2.5. Tình hình chấp hành các quy định của pháp luật về hoạt động sản xuất kinh doanh, nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội, các vấn đề về bảo vệ môi trường,...

2.6. Danh hiệu thi đua, khen thưởng

2.7. Chính sách đối với người lao động

Chế độ BHXH, BHYT, BHTN, tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi...

III. NỘI DUNG DỰ ÁN

3.1. Căn cứ xây dựng dự án

Căn cứ pháp lý: Chủ trương, chính sách, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương,...

Căn cứ thực tiễn và tính cấp thiết: Nhu cầu của doanh nghiệp, ngành, địa phương; vấn đề và nhiệm vụ đặt ra cần giải quyết và tính cấp thiết cần xây dựng và triển khai dự án.

3.2. Sự cần thiết đầu tư thiết bị công nghệ mới

Mô tả tình hình ứng dụng/sử dụng các thiết bị công nghệ ở trong và ngoài nước cùng lĩnh vực của dự án.

Mô tả sự cần thiết đầu tư thiết bị công nghệ mới của dự án.

3.3. Mục tiêu của dự án: Mục tiêu chung, cụ thể của dự án

3.4. Tình hình sử dụng thiết bị công nghệ của đơn vị trước khi đổi mới thiết bị công nghệ mới

3.5. Nội dung của dự án: Mô tả chi tiết các nội dung và các hạng mục công việc cụ thể phải thực hiện để đạt được mục tiêu của dự án và làm nổi bật được các nội dung thể hiện thiết bị công nghệ có hàm chứa công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất, tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường; thiết bị công nghệ có hàm chứa công nghệ cao.

- Mô tả hệ thống và các bộ phận chính của máy móc, thiết bị.
- Đặc tính và thông số kỹ thuật của thiết bị công nghệ.
- Thuyết minh quy trình công nghệ.
- Hướng dẫn vận hành/sử dụng thiết bị công nghệ.
- Làm rõ tính mới, ưu/nhược điểm của thiết bị công nghệ, so sánh với các sản phẩm cùng loại.
- Tính phù hợp của thiết bị công nghệ với hoạt động của đơn vị, phù hợp các quy định của pháp luật hiện hành.
- Phân tích minh chứng sự thay đổi về tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất, tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường sau khi đầu tư dự án.

3.6. Quy trình vận hành, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp

3.7. Hiệu quả đầu tư của dự án

- So sánh chi phí đầu tư, thông số kỹ thuật, năng suất, chất lượng với các loại thiết bị tương tự.
- Phân tích, đánh giá hiệu quả kinh tế của dự án mang lại cho: chủ dự án, các đối tượng kinh tế - xã hội khác, nguồn thu ngân sách,..... (có số liệu minh chứng)
- Hiệu quả về bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng của dự án,...

- Hiệu quả về xã hội: tạo công ăn việc làm, an sinh xã hội,...

3.8. Tiến độ thực hiện dự án

STT	Công việc thực hiện các nội dung dự án	Mục tiêu/kết quả/sản phẩm	Thời gian (bắt đầu và kết thúc)

3.9. Kinh phí thực hiện dự án

- Tổng mức kinh phí thực hiện Dự án.

- Nguồn kinh phí thực hiện:

+ Nguồn tự chủ:.....

+ Nguồn khác:.....

3.10. Kết luận và Kiến nghị:

- Kết luận

- Kiến nghị

Phần cuối

Tài liệu tham khảo

Các phụ lục liên quan (Hoá đơn chứng từ mua sắm thiết bị, nguyên vật liệu; Hợp đồng mua bán thiết bị, công nghệ; các bảng biểu; kết quả phân tích, kiểm nghiệm; các bảng điều tra, bảng tính số liệu, mẫu biểu, hình chụp, sơ đồ, quy trình công nghệ, bản vẽ... cần minh họa hoặc hỗ trợ cho báo cáo).